

2024 314
Taiwanese Poetry Day *
國立成功大學 | 台灣文學系 |
DEPT OF TAIWANESE LITERATURE, NCKU

Ngày Thơ Đài Loan &
Liên Hoan Văn Thơ
Việt Nam-Đài Loan

March 14 :
Taiwanese Poetry Day &
Taiwan-Vietnam
Literary Festival

314台灣詩人節&
台越文學交流

/ Program 大會手冊 Sổ tay /

314
詩人節



Chheng-chhun bô sǎ-sǎ
Góa ê bàk-sái kâm bàk-kî^m



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VIỆT NAM
國立成功大學 越南研究中心
NCKU Center for Vietnamese Studies



社團法人台越文化協會
Hiệp Hội Văn Hóa Việt Đài
Association for Taiwanese and Vietnamese Cultural Exchange



台文筆會
Tâi-bûn Pit-hōe
Taiwanese Pen



Tâi-oân Lô-má-jī Hiáp-hōe
Taiwanese Romanization Association
台灣羅馬字協會



Tâi-oân Gi-bûn Chhek-giām Tjong-sim
國立成功大學 台灣語文測驗中心
NCKU Center for Taiwanese Languages Testing

TAEF

Taiwan-Asia Exchange Foundation
臺灣亞洲交流基金會



Tâi-gí Ki-kim-hōe
蔣發太孫玉枝台語文教育基金會
Taiwanese Foundation



vanvn.vn

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

/ 主辦單位 /

Tâi-Oát Bùn-hák Kau-liû

314 台灣詩人節:
台、越二國文學交流

地點:成大台文系館 NCKU

14/3 Ngày Thơ Đài Loan

Liên Hoan Văn Thơ Việt Nam – Đài Loan

tại Khoa Văn học Đài Loan, ĐHQG Thành Công, Đài Loan

March 14, 2024



LỊCH TRÌNH 活動流程 LIÛ-TÊNG

March 14 (Thursday) @ 台文講堂 phòng 88160 khoa Văn Đài	
時間 Time	Lịch trình và nội dung hoạt động 議程內容 Gĩ-têng lâi-iông
9:00-9:20	Đăng ký (lấy tài liệu) 報到 Pò-tò
9:20-10:00	<p style="text-align: center;">Lễ khai mạc 開幕典禮及介紹來賓 Khai-bõ tián-lé</p> <p style="text-align: center;">TUỜNG Vi Vãn / Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam NCKU 蔣爲文 / 成大越南研究中心主任</p> <p style="text-align: center;">Michael Hsiao / Chủ tịch Quỹ Giao lưu Châu Á Đài Loan, Cố vấn Văn phòng TỔng thốg 蕭新煌 / 台灣亞洲交流基金會董事長、總統府資政</p> <p style="text-align: center;">TIUⁿ Hòkchũ / Phó chủ tịch Quỹ Giáo dục tiếng Đài Hoat-Ki 張復聚 / 發枝台語基金會董事</p> <p style="text-align: center;">Mattel HSU / Chủ biên Báo điện tử Quỹ Giáo dục Thái Anh Vãn 許建榮 / 小英教育基金會想想論壇主編</p> <p style="text-align: center;">LEE Tuo-Tzu / Phó giám đốc điều hành Quỹ Văn Nghệ Đài Loan 李拓梓 / 國家文化藝術基金會副執行長</p> <p style="text-align: center;">TÂN Bêng-jîn / Chủ tịch Hội Nhà Văn Đài Loan 陳明仁 / 台文筆會理事長</p> <p style="text-align: center;">Woei-Jer CHUANG / Phó hiệu trưởng NCKU 莊偉哲 / 國立成功大學副校長</p> <p style="text-align: center;">Chia-Huang CHEN / Phó viện trưởng Viện Văn học NCKU 陳家煌 / 國立成功大學文學院副院長</p>

10:00-10:20	Thực trạng dịch thuật tác phẩm văn học giữa Đài Loan và Việt Nam 台越文學作品互譯現況簡介/蔣爲文 Tâi-Oát bûn-hák chok-phín hoan-èk hiân-hóng
10:20-10:40	Lễ trao giải 頒獎(台越文學交流貢獻獎) Pan-chióng Hội Nhà Văn Việt Nam 越南作家協會(代表人陳登科) Trần Nhuận Minh 越南作家陳潤明 Nguyễn Đăng Điệp 越南作家阮登疊 Tạ Duy Anh 越南作家謝維英
10:40-11:00	Nghỉ giải lao 茶點 Phò-tâu
11:00-11:20	Sơ lược lịch sử văn học Việt Nam hiện đại / Nguyễn Đăng Điệp 越南現代文學簡史/阮登疊
11:20-11:40	Sơ lược lịch sử điện ảnh Việt Nam / Lê Thị Dương 越南電影簡史/黎氏楊
11:40-14:30	Nghỉ ăn trưa 午餐 Chiáh-tàu (一般聽眾自理)
12:30-14:30	Cánh đồng bất tận (phim) 越南電影:無盡的田野 Oát-lâm tiân-ia ⁿ hòng-sàng (開放民衆自由出入) 放送地點:台文教室 88154
14:30-17:30	Giao lưu văn học 台、越作家文學交流 Bûn-hák kau-liû
18:30	Bữa tối 晚餐 Âm-tng

314 台灣詩人節 ê 由來

Chiúⁿ Ūi-bûn



「台文筆會」tī 2022 年 1 月 ê 會員大會通過章程修改，決定增加條文 kā 每 1 冬 ê 3 月 14 王育霖詩人檢察官受難日訂做「台灣詩人節」來紀念伊 ūi 台灣 ê 犧牲。後 sòa, 真 chē 本土社團像講台灣羅馬字協會、台灣南社、二二八關懷協會、台越文化協會、發枝台語基金會等 mā 認同 án-ne ê 主張就開始做伙推動 314 台灣詩人節。

Ūi-siáⁿ-mih ài 來紀念王育霖？真 chē 人 lóng 知影王育霖(1919~1947)二二八屠殺 ê 受害者，mā 是 ūi 正義來犧牲 ê 檢察官，soah 真少人知道原來伊 mā 是一位優秀 ê 文青，特別是真 kah-ì 詩 kap 歌謠。

王育霖於 1919 年 tī 台南出世，是出名 ê 台語博士 kap 台獨運動者王育德教授 ê 兄哥。王育霖 tī 1944 年出任日本京都地方法院檢察官，是當時日本本土第一位台灣人檢察官。二戰結束了王育霖 ūi-tiòh beh 報效祖國轉來台灣擔任

新竹市檢察官。伊當時因為對貪汙 ê 中國國民黨籍新竹市長郭紹宗起訴，來得失外來中國蔣家政權，最後 tī 1947 年 3 月 14 去 hō 黨國便衣人員 chhōa 走了，chiū ùi 這 ê 世間完全消失。王育霖 tī 當年 ê 3 月底 hông 銃殺，屍體 chiū phiaⁿ tiàm 淡水河。一直到 taⁿ 中國國民黨，iáu 是 m-bat chiū 這件代誌公開道歉，公布王育霖消失 ê 真相。王育霖 m-nā 是伸張正義 ê 檢察官，koh 是一位真有才情 ê 詩人，mā 是台灣歌謠 ê 愛好者。伊在生進前有 bē 少 chiáⁿ 優秀 ê 詩，譬如原著日文版詩作〈今別れては何時か見ん〉(Kin-jit it-piát hô-sî chài siong-hông)、〈春を送るの歌〉(Chheng-chhun bô saⁿ-sî)。

CHHENG-CHHUN BÔ SAⁿ-SĪ

1.

Cháu-chhōe bô chīn-pōng ê chin-lí
Tī hòk-cháp ê su-lō lâi-hōe ê siàu-liân-ke

2.

Sio-chiú lōh-âu hiah-nih khó-siap
Poe-té m̄-thang chhī kim-hî

3.

Chhōe chit-tah siám-sih ê nê-óng thang óa-khò
Choát-tùi bē-tàng sit-khì góa lâm-chú-hàn ê chì-khì

4.

Lâi bô tiuⁿ-tī khì bô saⁿ-sĪ, che tiòh-sī jîn-seng
Siūⁿ tiòh che, lí ê bàk-sái mā lìn--lòh-lâi

5.

Chheng-chhun bô saⁿ-sĪ
Góa ê bàk-sái kâm bàk-kĭⁿ

王育霖當時 ê 作品 kán-ná 已經早 tiòh 知影伊家已 ê 運命，親像 teh kap 大家相辭 kâng 款！戰後王育霖因為掛心台灣，ùi 日本轉來 ùi 台灣奉獻，想 bē 到 khì 遇 tiòh 蔣介石政權 soah hông 剷--死。伊犧牲 ê 時 chiah 二十八歲 niâ，第二個後生 chiah tú 滿月，伊 ê 牽手 chiū 一世人 kâm 目屎 chhiâⁿ 養 2 ê 囡仔大漢。

王育霖 ê 小弟王育德相信「語言是民族的靈魂」，台語是台灣人 ê 靈魂！Ūi-tiòh 推廣台語、建立台語書寫 ê 標準化，王育德進入東京大學深造語言學 koh thèh tiòh 博士學位。他終其尾 ê 目的 chiū 是 beh hō 台語 chiâⁿ 做台灣國 ê 國語。雖 bóng 阿兄王育霖 kan-ta 28 歲 chiū hông 陷害過身，但是小弟王育德傳承阿兄公平正義 ê 精神，一世人 ùi 台語文 kap 台灣建國拍拚。可惜，王育德 hō 中國國民黨列做黑名單，伊長期流亡日本，到 1985 年過身 chìn-chêng lóng 無機會轉來故鄉台灣。

Sự ra đời của Ngày Thơ Đài Loan 14/3

Tường Vi Văn



Tháng 1 năm 2022 Đại hội Hội viên của “Taiwanese Pen Hội bút Đài Loan” thông qua việc sửa đổi chương trình, quyết định thêm một điều khoản là mỗi năm vào ngày 14 tháng 3, ngày nhà thơ, công tố viên Vương Dục Lâm gặp nạn trở thành “Ngày Thơ Đài Loan” để kỷ niệm ông hy sinh vì đất nước Đài Loan. Sau đó, rất nhiều đoàn thể địa phương trong nước, như: Hiệp hội chữ La-tinh Đài Loan, Tổ chức xã hội Đài Loan (phía Nam), Hiệp hội quan tâm sự kiện 28/2, Hiệp hội Văn hóa Việt-Đài, Quỹ phát triển tiếng Đài Loan...cũng ủng hộ quyết định này và cùng chung tay trong việc quảng bá Ngày Thơ Đài Loan 14/3.

Tại sao cần có ngày kỷ niệm tưởng nhớ Vương Dục Lâm? Rất nhiều người đã biết ông (sinh năm 1919 -mất năm 1947) là một trong những người bị hại của cuộc thảm sát ngày 28/2, ông còn là một công tố viên vì chính nghĩa quên mình, nhưng lại rất ít người biết ông vốn là một nghệ sĩ trẻ ưu tú, đặc biệt là ông cực kỳ thích thơ và dân ca.

Vương Dục Lâm sinh năm 1919 ở Đài Nam, là anh trai Tiến sĩ tiếng Đài nổi tiếng và là người tham gia phong trào vì Đài Loan độc lập, giáo sư Vương Dục Đức. Năm 1944, Vương Dục Lâm nhậm chức công tố viên Tòa án địa phương ở Kyoto, Nhật Bản, là công tố viên người Đài Loan đầu tiên ở Nhật Bản vào thời điểm đó. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, vì muốn cống hiến cho quê hương, ông trở về Đài Loan và đảm nhiệm chức công tố viên ở thành phố Tân Trúc. Lúc bấy giờ, vì khởi tố thị trường thành phố Tân Trúc, Quách Thiệu Tôn, đảng viên Quốc Dân Đảng Trung Quốc về tội tham nhũng, làm mất lòng chính quyền họ Tưởng Trung Quốc nên ông đã bị nhân viên mặc thường phục của Quốc Dân Đảng bắt vào ngày 14 tháng 3 năm 1947 và mất tích từ đó. Vương Dục Lâm bị giết vào cuối tháng 3, thi thể bị vứt ở sông Đạm Thủy. Cho đến tận hôm nay, Quốc Dân Đảng Trung Quốc chưa hề công khai xin lỗi về sự kiện này, chưa hề công bố sự thật về việc Vương Dục Lâm bị mất tích. Vương Dục Lâm không chỉ là một công tố viên đề cao chính nghĩa, ông còn là một nhà

thơ tài hoa và là người luôn yêu thích thơ ca Đài Loan. Lúc sinh thời ông có rất nhiều bài thơ tuyệt tác, như bài thơ (mà nguyên văn viết bằng tiếng Nhật) dưới đây:

Thanh xuân không từ biệt

1.

Đuổi tìm chân lý không điểm dừng
Tuổi xuân bâng khuâng nơi ý tưởng rối bời

2.

Rượu nồng xuống cổ sao mà đắng
“Đáy ly không được nuôi cá vàng”

3.

Tìm ngọn đèn nê-ông lấp lánh làm chỗ dựa
Quyết tâm không để mất chí khí của tôi người đàn ông

4.

Khi đến không do dự khi đi không giã từ, cuộc đời vốn lẽ ấy
Nghĩ đến đây, nước mắt bạn cũng rơi

5.

Thanh xuân không từ biệt
Nước mắt tôi tràn mi

Trong tác phẩm thời đó, Vương Dục Lâm dường như đã biết trước số phận của mình, dường như đang nói lời từ giã mọi người! Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, vì nhớ thương, canh cánh Đài Loan, ông từ Nhật về nước cống hiến, không ngờ gặp tai ương, bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giết hại. Ông hy sinh lúc chỉ mới 28 tuổi đời, lúc đứa con trai thứ hai vừa đầy tháng, vợ ông một đời ngậm nước mắt nuôi hai con trưởng thành.

Em trai của Vương Dục Lâm, ông Vương Dục Đức tin rằng “ngôn ngữ là linh hồn của dân tộc”, tiếng Đài là linh hồn của người Đài Loan! Vì muốn quảng bá tiếng Đài, xây dựng tiêu chuẩn hóa tiếng Đài, Vương Dục Đức vào học ở Đại học Tokyo Nhật Bản, nghiên cứu sâu về ngôn ngữ học và lấy bằng Tiến sĩ ở đây. Mục đích cuối cùng của ông là làm cho tiếng Đài trở thành Quốc ngữ của đất nước Đài Loan. Cho dù Vương Dục Lâm bị giết hại khi mới 28 tuổi, Vương Dục Đức vẫn đã tiếp nối tinh thần chính nghĩa, công bằng của anh trai mình, suốt cả cuộc đời cống hiến, đấu tranh vì tiếng Đài, vì sự nghiệp dựng nước của Đài Loan. Đáng tiếc là, Vương Dục Đức bị Quốc Dân Đảng Trung Quốc liệt vào danh sách đen, ông lưu vong trường kỳ ở Nhật bản, cho đến năm 1985 khi qua đời, ông đã không có một dịp nào để trở về cố hương Đài Loan.

Thực trạng dịch thuật tác phẩm văn học giữa Đài Loan và Việt Nam
 台越文學作品互譯現況簡介/蔣為文
 Tâi-Oát bân-hàk chok-phín hoan-èk hiân-hóng
 台灣文學作品翻譯做越南話



Truyện các anh hùng Đài Loan: Quyết chiến Siraya
 台灣英雄傳之決戰西拉雅 2018



ĐẦU LƯỖI NGÒI BÚT: LỊCH SỬ VĂN HỌC TIẾNG MẸ ĐẼ ĐÀI LOAN
 舌尖與筆尖：台灣母語文學的發展 2020

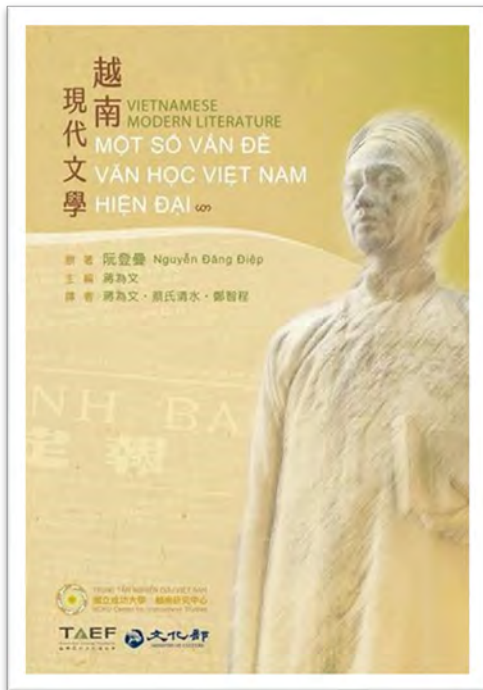
Kā越南文學作品紹介 hō 台灣人



Đi ngang thế gian
 戰火人生 2018.09



Sông núi trên vai
 肩上江山 2019.11



Một số vấn đề văn học Việt Nam hiện đại
越南現代文學 2020.11



SỐNG VỚI TRUNG QUỐC
HĀM TIONG-KOK CHÒ CHHŪ-PIⁿ 2021.11

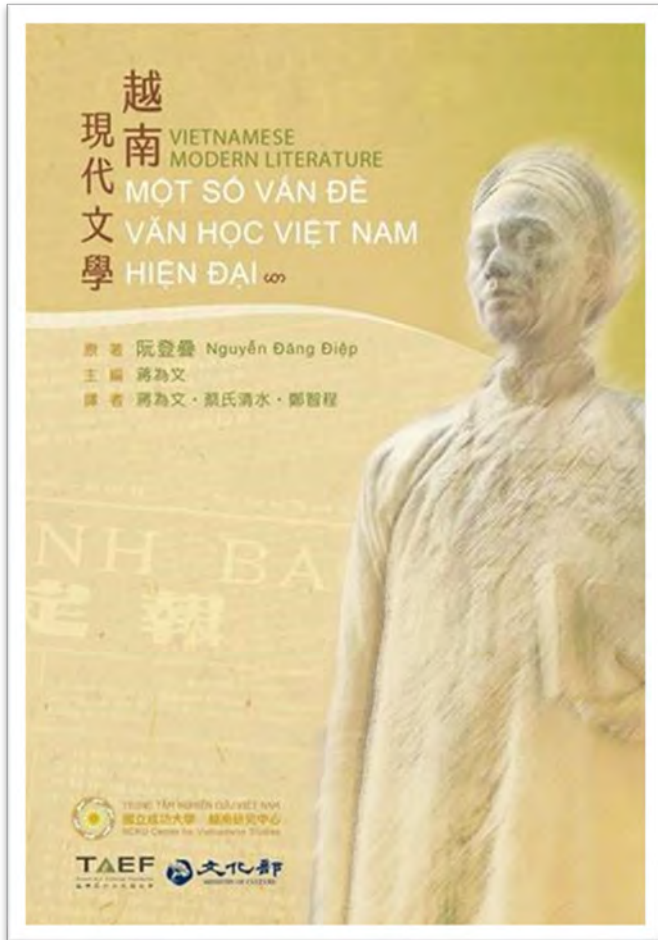


Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam
探索越南文化本色 2019.10

Sơ lược lịch sử văn học Việt Nam hiện đại / Nguyễn Đăng Điệp 越南現代文學簡史/阮登疊

Hội đồng lý luận, phê bình văn học nghệ thuật Trung ương

中央文學藝術理論評鑑委員會



《越南現代文學》這本冊清楚地介紹十九世紀以來越南文學從傳統文學行ng 現代文學e歷程。這本冊應該是台灣國內第一本專門介紹越南現代文學發展史e學術專冊。阮特別 kā 這本書譯做中文 kap 台文 2 種語言，凸顯台灣文學行ng 台灣母語前進e深層意義。

國家圖書館出版品預行編目資料

越南現代文學/阮登疊(Nguyễn Đăng Điệp)原作；蔣為文、蔡氏清水、鄭智程譯。-- 初版。-- (臺南市)：亞細亞國際傳播社，2020.11
面：公分

題自：MỘT SỐ VẤN ĐỀ VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

ISBN 978-986-98887-2-1(平裝)
1.現代文學 2.文學史 3.越南
868.39 109017962

越南現代文學
OẠT LÂM HIỂN-TÀI BỬN-HÀK
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

作者 / 阮登疊(Nguyễn Đăng Điệp)
譯者 / 蔣為文、蔡氏清水、鄭智程
策劃 / 國立成功大學越南研究中心、台越文化協會、谷文華會
主編 / 蔣為文
執行編輯 / 陳理德
總校訂 / 蔣為文
校對 / 洪慎心、呂超雄、黃筱勻
出版 / 亞細亞國際傳播社
網址 / <http://www.atsiu.com>
TEL / 06-2349881
FAX / 06-2094659
公元 2020 年 11 月 20 日 初版
Copyright © 2020 by Asian Atsiu International
ISBN : 978-986-98887-2-1

Printed in Taiwan NT\$380 版權所有 翻印必究
本書榮獲台灣亞洲交流基金會、文化部及內政部新住民發展基金補助



Lễ ra mắt sách Một số vấn đề văn học Việt Nam hiện đại

<https://vass.gov.vn/hoat-dong-khoa-hoc/Le-ra-mat-sach-Mot-so-van-de-van-hoc-Viet-Nam-hien-dai-1742>

中文版目錄

蕭新煌/總統府資政 序 6

許建榮/想想論壇主編 序 10

蔣為文/成大越南研究中心 序 14

阮登疊/越南社科院文學所 序 18

第一章 越南現代文學綜觀	23
1.1. 現代文學的範疇	23
1.1.1. 生活中與文學中的現代	23
1.1.2. 現代與現代主義/後現代主義.....	26
1.2. 現代文學分期的問題	27
1.2.1. 從時間軸觀看文學的進程	27
1.2.2. 將文學歷史視為模式的轉變	29
1.3. 現代文學出現的條件/平面.....	30
1.3.1. 現代文學 - 從區域至世界過程之產品.....	30
1.3.2. 欣賞文學的觀眾與創作文學的隊伍.....	36
1.4. 文化交流與模式轉換	51
1.4.1. 二十世紀前半葉的西方與法國文化之交流.....	51
1.4.2. 從 1945 年至 1985 年的文化交流	55
1.4.3. 從 1986 年至今的文化交流	58
第二章 越南現代小說.....	63
2.1. 小說 - 現代文學舞台上的主角	63
2.1.1. 傳統文學中外圍/下等的位置.....	63
2.1.2. 現代文學中的中心人物	65

2.2. 越南現代文學的演變過程.....	67
2.2.1. 二十世紀初前 30 年的小說與國語散文的誕生.....	67
2.2.2. 1930 年至 1945 年階段的小說.....	72
2.2.3. 1945 年至 1985 年階段的小說.....	84
2.2.4. 1986 年至今的小說.....	92
第三章 越南現代詩歌	104
3.1. 現代詩：尋找新美學空間的旅程	104
3.1.1. 當自我出現時.....	104
3.1.2. 現代與冒險的本性.....	107
3.2. 越南現代詩的進程.....	110
3.2.1. 二十世紀初的前 30 年	110
3.2.2. 1932 年至 1945 年的新詩.....	114
3.2.3. 1945 年至 1985 年的越南詩歌.....	120
3.2.4. 改革時期的越南詩歌.....	130
第四章 越南現代文學批評理論.....	144
4.1. 批評理論作為現代文學的自我意識.....	144
4.1.1. 世界文學批評理論思維中的改變	144
4.1.2. 越南現代文學批評理論的出現	145
4.2. 二十世紀越南文學批評理論的演變過程	147
4.2.1. 二十世紀初期的前 30 年	147
4.2.2. 1932 至 1945 年階段的文學批評理論.....	151
4.2.3. 1945 至 1985 年階段的文學批評理論.....	157
4.2.4. 從 1986 年至今的文學批評理論.....	167

台文版目錄

蕭新煌/總統府資政 話頭	8
許建榮/想想論壇主編 話頭	12
蔣為文/成大越南研究中心 話頭	16
阮登疊/越南社科院文學所 話頭	19
第一章 越南現代文學綜觀	180
1.1. 現代文學 ê 範疇	180
1.1.1. 生活中 kap 文學中 ê 現代	180
1.1.2. 現代 kap 現代主義/後現代主義	183
1.2. 現代文學分期 ê 問題	185
1.2.1. ùi 時間線來看文學 ê 進程	185
1.2.2. 將文學歷史看做模式 ê 轉變	186
1.3. 現代文學出現 ê 條件/平面	188
1.3.1. 現代文學—ùì 區域到世界過程 ê 產品	188
1.3.2. 欣賞文學 ê 觀眾 KAP 創作文學 ê 隊伍	194
1.4. 文化交流 KAP 模式轉換	209
1.4.1. 二十世紀前期 kap 西方、法國文化交流	209
1.4.2. ùi 1945 年到 1985 年 ê 文化交流	214
1.4.3. ùi 1986 年到 ta ⁿ ê 文化交流	217
第二章 越南現代小說	222
2.1. 小說：現代文學舞台 ê 主角	222
2.1.1. 傳統文學中外圍/下等 ê 位	222
2.1.2. 現代文學內 ê 中心人物	224
2.2. 越南現代文學 ê 演變過程	226
2.2.1. 二十世紀初期前 30 年 ê 小說 kap 國語散文 ê 出世	226

2.2.2. 1930 年到 1945 年階段 ê 小說.....	232
2.2.3. 1945 年到 1985 年階段 ê 小說.....	244
2.2.4. 1986 年到現此時 ê 小說.....	252
第三章 越南現代歌詩	264
3.1. 現代詩：走 CHHŌE 新美學空間 ê 旅途.....	264
3.1.1. Tng 自我出現 ê 時	264
3.1.2. 現代 kap 冒險 ê 本性	268
3.2. 越南現代詩 ê 進程	271
3.2.1. 二十世紀初期 ê 前 30 冬.....	271
3.2.2. 1932 年到 1945 年 ê 新詩.....	274
3.2.3. 1945 年到 1985 年 ê 越南歌詩.....	281
3.2.4. 改革時期 ê 越南歌詩.....	293
第四章 越南現代文學 ê 批評理論.....	307
4.1. 批評理論 CHIÀⁿ 做現代文學 ê 自我意識.....	307
4.1.1. 世界文學批評理論思維中的改變.....	307
4.1.2. 越南現代文學批評理論 ê 出現.....	309
4.2. 二十世紀越南文學批評理論 ê 演變過程.....	310
4.2.1. 二十世紀初期 ê 前 30 冬.....	310
4.2.2. 1932 年到 1945 年階段 ê 文學批評理論.....	314
4.2.3. 1945 年到 1985 年階段 ê 文學批評理論.....	321
4.2.4. Òi 1986 年到 taⁿ ê 文學批評理論.....	331
參考文獻.....	341
索引 INDEX 353	

在文學道路上台越是兄弟 (中文版)

在文學的發展道路上，台灣和越南可以說猶如兄弟般，既有同樣的文學歷史背景又發展出不完全一樣的現代文學。

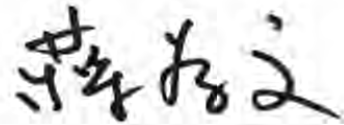
台灣和越南同樣身處在中華帝國之周邊，也都曾受古代中國霸凌與影響。譬如，越南曾使用漢字達二千年之久且受中國文學傳統影響。直至十九世紀後半期，在法國殖民政府的介入下，越南文學開始透過越南羅馬字脫胎換骨，開啟了文學現代化的道路。譬如，越南的第一份羅馬字報紙《嘉定報》於 1865 年在南部開始發行，並開啟東、西方文學譯介之門。到了 1945 年 9 月 2 日，胡志明選擇麥克阿瑟發布第一號命令的同一天，宣布越南獨立。隔沒多久，胡志明又再度宣布實施母語教育，並將越南羅馬字正式訂為國語字以取代漢字。胡志明的明智之舉不僅讓越南文學持續走向現代化，更讓越南文學開創出具有越南民族特色的國民文學！

相形之下，台灣在 1885 年也發行第一份羅馬字報紙《台灣府城教會報》，並創造了遠比中國五四運動(1919 年)還早的台語白話文學史。事實上，就時間點來看，中國的五四白話文運動不僅遠遠落後於台灣，也比越南的白話文運動還晚。可惜，二次世界大戰後，台灣人沒把握到戰後獨立的機會而淪為蔣介石政權的殖民地。在蔣政權統治下，反共文學及中國文學被殖民體制刻意扶持，台灣文學則被高度打壓。譬如，台灣的公立大學竟然不准成立台灣文學系，這樣的禁忌直到公元 2000 年國立成功大學台灣文學系成立後才被打破。隨著各大學設立台灣文學相關系所成為潮流，台灣文學也逐漸朝向台灣母語文學的方向前進。

在我 2003 年學成歸國到成大台文系服務之後，我即積極推動台灣

和越南的人文雙向交流，並成立越南研究中心。這幾年越南研究中心也陸續促成台灣文學及越南文學作品的雙向譯介出版及文學交流。這次非常感謝越南社科院文學所所長阮登疊教授同意授權翻譯出版他的名著《越南現代文學》。這本書很清楚地介紹了十九世紀以來越南文學從傳統文學邁向現代文學的歷程。這本書應該是台灣國內第一本專門介紹越南現代文學發展史的學術專著。我們特別將這本書翻譯成中文及台文二種語言，以凸顯台灣文學邁向台灣母語前進的深層意義。

最後，我要感謝全體編譯工作團隊的辛勞，才能在一年內完成這個翻譯出版任務。也要感謝小英教育基金會、台灣亞洲交流基金會、文化部、內政部新住民發展基金、國立成功大學、台越文化協會、台文筆會及亞細亞國際傳播社等各單位的通力協助才能促成這本有意義的專書順利出版。



國立成功大學
越南研究中心及台灣文學系主任

Tī 文學 ê 路 lìn 台越是兄弟仔 (台文版)

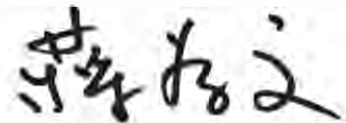
Tī 文學發展 ê 路 lìn · 台灣 hām 越南 ē-sái 講 ká-ná 兄弟仔 · 有全款 ê 文學歷史背景 koh 發展出無完全全款 ê 現代文學。

台灣 hām 越南全款 óa tī 中華帝國 ê 厝邊 · mā lóng bat hō 古中國 chau-that hām 影響。像講 · 越南 bat 用漢字用 kah 二千冬 hiah 久 koh bat 受中國文學傳統影響。到 kah 十九世紀後半期 · 因為法國殖民政府 ê 介入 · 越南文學開始透過越南羅馬字 tng-tōa-lâng · 開拓文學現代化 ê 大路。Koh · 越南 ê 第一份羅馬字報紙《嘉定報》tī 1865 年 tiàm 南部開始發行 · phah-khui 東、西方文學譯介 ê 大門。到 kah 1945 年 9 月初 2 · 胡志明選擇 MacArthur 發布第一號命令 ê 全一工 · 宣布越南獨立。隔無 gōa-kú · 胡志明 koh 宣布實施母語教育 · kā 越南羅馬字正式訂做官方國語字 thang 取代漢字。胡志明 ê khiáu-pō m̄-nā hō 越南文學持續 kiān òng 現代化 · koh hō 越南文學開創出充滿越南民族特色 ê 國民文學！

對照之下 · 台灣 mā tī 1885 年發行第一份羅馬字報紙《台灣府城教會報》 · koh 創造 tiòh 比中國五四運動(1919 年) khah 早 ê 台語白話文學史。事實上 · 就時間點來看 · 中國 ê 五四白話文運動 m̄-nā 遠遠落後台灣 · mā 比越南 ê 白話文運動 khah òa^a。可惜 · 二次世界大戰 liáu · 台灣人沒把握 tiòh 戰後獨立 ê 機會 soah 淪落做蔣介石政權 ê 殖民地。Tī 蔣政權統治下 · 反共文學 hām 中國文學 hō 殖民體制刁工扶持 · 台灣文學 soah hông 高度打壓。像講 · 台灣 ê 公立大學竟然不准成立台灣文學系 · chit-khoán ê 禁忌到 kah 公元 2000 年國立成功大學台灣文學系成立 liáu chiah hông 打破。Tng-tong 各大學設立台灣文學相關系所 chiā^a-chò 潮流 · 台灣文學 mā tàuh- tàuh-á òng 台灣母語文學 ê 方向前進。

Ti 我 2003 年完成海外 ê 學業轉來到成大台文系服務 liáu, 我 sūi 積極推動台灣 hām 越南 ê 人文雙向交流, koh 成立越南研究中心。這 kúì 年越南研究中心 mā 陸續促成台灣文學 hām 越南文學作品 ê 雙向譯介出版 kap 文學交流。這 pái 非常感謝越南社科院文學所所長阮登疊教授同意授權翻譯出版伊 ê 名著《越南現代文學》。這本冊真清楚紹介十九世紀以來越南文學 ùi 傳統文學 kiān òng 現代文學 ê 歷程。這本冊應該是台灣國內第一本專門紹介越南現代文學發展史 ê 學術專冊。咱特別 kā 這本冊翻譯做中文 hām 台文二種語言, thang 凸顯台灣文學 òng 台灣母語前進 ê 深層意義。

路尾, 我 beh 感謝全體編譯工作團隊 ê 拍拚, chiah ē-tàng tī 一冬內完成 chit-ê 翻譯出版 ê 任務。Mā ài 感謝小英教育基金會、台灣亞洲交流基金會、文化部、內政部新住民發展基金、國立成功大學、台越文化協會、台文筆會 hām 亞細亞國際傳播社等各單位 ê 鬥跤手 chiah ē-tàng 促成這本有意義 ê 專冊順利出版。



國立成功大學
越南研究中心及台灣文學系主任

作者序(中文版)

《越南現代文學》這本書原本是作為越南社會科學院研究生學院的文學教材。因教學需求的關係，本書不是定位在完整的越南文學史的敘述，而是著重在越南文學現代化過程中較重要也較受關注的幾個問題面向的討論。

系統論是研究工作中的理論基礎之一。越南文學現代化過程中藝術思維與詩法學(詩歌體裁)的改變是一個連續、有緩慢也有劇烈的改變過程。這些都與人們的意念有關。現代是一個改革與快速演變的時代。這本書因篇幅及條件有限，1975 年以後海外越南人的文學部分較少提及，希望未來能補足。

我認為，作為文化中最微妙與敏感的越南現代文學，深刻地呈現現代的多样性與不斷演變性。它也讓我們見識到在現代及後現代當中每種異議的聲音都有權存在。

這本書能夠翻譯成台文及中文版並在台灣出版，我首先要感謝擔任國立成功大學越南研究中心及台灣文學系主任的蔣為文教授，及譯者蔡氏清水與鄭智程。我也誠摯感謝總統府資政蕭新煌教授及小英教育基金會想想論壇主編許建榮教授為本書撰寫推薦序。這本書的出版可視為近年來台灣與越南之間的文化交流的具體見證與成果之一。

Nguyễn Đăng Điệp (阮登疊)
越南社科院文學所

作者序(台文版)

《越南現代文學》這本冊原底是越南社會科學院研究生學院 ê 文學教材。顧 tiòh 教學需求 ê 關係，本冊無定位 tī 完整 ê 越南文學史 ê 描寫，顛倒看重 tī 越南文學現代化過程 lâi-té khah 重要 mā hông 關心 ê kúi 個問題面向 ê 討論。

系統論是研究工作 lâi-té ê 理論基礎之一。越南文學現代化過程中藝術思維 hām 詩法學(詩歌體裁)ê 改變是一個連續、有慢 mā 有 kín ê 改變過程。這 lóng hām 咱人 ê 意念有關。現代是一個改革 hām 快速演變 ê 時代。這本冊因為篇幅 kap 條件有限，1975 年以後海外越南人 ê 文學部分 khah 少講起，ng-bāng 未來 ē-tàng 補充。

我認為，chiâ 做文化 lâi-té siōng 奇巧 hām 敏感 ê 越南現代文學，深深呈現現代 ê 多樣性 hām 不斷演變性。伊 mā hō 咱認捌 tiòh tī 現代 hām 後現代 lâi-té tak 款無仝 ê 聲音 lóng 有存在 ê 權利。

這本冊 ē-tàng 翻譯做台文 hām 中文版 koh tī 台灣出版，我代先 ài 感謝擔任國立成功大學越南研究中心 hām 台灣文學系主任 ê 蔣為文教授，ah-koh 譯者蔡氏清水 hām 鄭智程。我 mā 真心感謝總統府資政蕭新煌教授 hām 小英教育基金會想想論壇主編許建榮教授替這本冊寫推薦話頭。這本冊 ê 出版 ē-tàng 算是這 kúi 年來台灣 hām 越南之間 ê 文化交流 ê 具體見證 hām 成果之一。

Nguyễn Đăng Diệp (阮登疊)
越南社科院文學所

Sơ lược lịch sử điện ảnh Việt Nam / Lê Thị Dương

越南電影簡史/黎氏楊（越南翰林研究院文學研究所）

迄今為止，越南電影已有近一百年的歷史。在那 100 年裡，越南電影受到了很多來自外界的影響，同時也建立了自己鮮明的特色。同樣在這 100 年裡，越南電影經歷了很多階段，時而輝煌發展，取得許多重要成就，有時面臨重重困難。但是我認為越南電影，還是臺灣電影或者任何國家電影都必須經歷的不可避免的變化。

首先，越南電影的歷史可以用下圖來簡單的表示一下：

十九世紀末到二十世紀初	1945 年到 1954 年	1955 年到 1975 年	1975 年到 90 年代末	二十一世紀初至今
電影開始傳入越南	越南電影正式誕生	越南電影分為兩個區域	統一和改革電影	融合和發展

這個階段的劃分是根據歷史的發展。這種分類只是相對的，而不是絕對的。下面，文章將依次簡單介紹一下各個階段。

I. 第一階段：十九世紀末到二十世紀初

那是越南處於法國殖民統治下的時期，因此法國影響到越南電影的印記非常強烈。這種影響體現在以下幾點：

第一點：19 世紀末，通過法國人在越南城市放映法國電影的活動，電影開始傳入越南。

第二點：法國人在越南建造一些電影院（主要在城市地區）。此外，也有一些華僑投資興建小影院，主要放映法國電影，也有少數香港和中國的電影。

第三點：1923 年，越南的第一部影片誕生了，是由法國人和越南人合作兒成。但這部影片當時並不成功。

從 1923 年到 1939 年，越南人為製作自己的電影付出了很多努力，雖然沒有取得預期的成功，但也表現出了自製力，逐漸脫離了對法國人的依賴。

到 1940 年，日軍進入印度支那，在越南拍電影的人就沒有了。電影院只放映日本電影和日本盟友的電影。日本軍隊進入印度支那事件標誌著越南電影第一階段的結束。

在此之前，越南人主要了解嘲戲(chèo)、水上木偶、睺戲、改良戲等。到二十世紀初，第一次越南觀眾認識到電影。電影是一種現代的藝術形式，與越南的傳統藝術形式完全不同。可能說，電影的出現以使越南觀眾的世界觀逐漸發生很大的變化。

這段時間，越南人自己製作的一些影片，雖然不成功，但也算是邁出了重要的一步，為日後越南電影的成立做準備。

II. 第二階段：從 1945 年到 1954 年

這個階段很短，還沒到十年，但是對我來說，這是越南電影的關鍵階段。因為在這個階段，越南電影正式成立。

於 1953 年 3 月 15 日，胡志明主席簽署了建立越南電影業的法令。你們可能看到，電影傳入越南於 19 世紀末，但是等到 50 年後，越南電影才正式誕生。

除了上述事件之外，這一時期的越南電影並沒有取得什麼突出的成就，所以我將更多地談論第三階段。

III. 第三階段：1955-1975

這可以說是越南電影最特殊也是最重要的階段，原因有兩個：

首先，越南電影分為兩個區域，對應歷史邊界劃分。這是很特別的背景。

其次，這是越南電影取得巨大成就的階段，從此開創了獨立電影的色彩。

1954 年，越南贏得了對法國的戰爭。這場戰爭以日內瓦公約結束。根據這份公約的內容，越南分為兩個地區，北方是獨立的，南方被美帝國戰略。每個地區有不同的政治制度。這個情況已經影響到越南電影的歷史。北方進入戰後復興進程，建設社會主義社會。在越南共產黨的領導下，電影業只製作宣傳片，由國家資助，稱為革命電影。簡單地理解是為革命服務地電影。

南方繼續抗美的戰爭。在傀儡政府的影響下，許多私人電影公司應運而生，製作類型多樣、題材豐富的影片，形成了相當活躍的電影市場。這個市場，有時輝煌，也有時面臨困難。為了大家方便地觀察，我已經分為兩個部分，一側是北方電影，另一側是南方電影。通過這樣的劃分，我們可以清楚地看到兩個地區電影的差異。下面我會更具體地理解。

III.1. 在北方

到 1959 年，最傑出的事件是越南第一部革命電影故事片誕生。這部影片的名字是“同一條河”。據我所知，這部電影在蘇聯和中國大陸上映過，得到支持。它的內容是當時的時事，國家分為南北兩地，一河之隔。這不僅是一部成功的革命電影，也是越南電影發展的里程碑。至今，這部電影的誕生仍被認為是越南電影最重要的事件之一。

這一階段，第一代導演在越南受訓。幾年後，一代在蘇聯受訓的導演回國。電影製作隊伍更加專業化和成熟，不像前一時期那樣自發。

從 1964 年底，抗美援朝波及全國，進入最激烈的時期。以宣傳為使命的北方電影開始回歸抗美援朝的話題。

北方電影在當時算是主流，完全服務於抗美援朝和建設社會主義的事業。

據統計，從 1965 年到 1975 年：北方電影共製作了 49 部故事片，包括一些非常好的作品，

如：17 日與黑夜平行線；河內寶貝... 10 年裡拍了近 50 部影片。依我來看，在困難的戰爭形勢下，這是一個非常可觀的數字。專家認為，這是該國電影的“黃金時代”，它已開始獲得國際認可，這反映在國際電影節的一系列獎項中。

可以說，60、70 年代初的北越電影始終伴隨著民族解放戰爭，體現了越南人民在戰爭中堅韌、愛國、仁愛的美好。這是越南電影的一大特色。

III.2. 在南方

與此同時，在越南共和國領導下，南方電影的發展趨勢與北方截然不同。隨著自由市場的發展，各個電影公司主要製作商業電影來服務觀眾，類型有動作、愛情、心理、恐怖等多種……這也被認為是南方電影的黃金時期。

如上所述，越南電影最初受到法國電影的影響。到這個階段，美國對南越電影的影響十分明顯，體現在電影類型和電影技術兩個方面。隨著美國軍隊的加入，他們把歐美文化和新技術都帶到了越南南方。

此外，這一時期的南越電影也受到當地歷史悠久的傳統藝術形式改良戲的影響。那時，許多南方電影演員都來自改良戲。因此，可能說，南方電影既有西方文化的色彩，也有本土文化的印記。

此時南方電影的突出特點是私人電影公司的設立和經營。正是這些公司使南方電影多元化，帶來了許多新題材，並創造了前所未有的充滿活力的電影市場。在北方完全沒有這種情況。

每年製作的電影數量相當多，即使在 1957 年，南方的私人電影製片廠也製作了 37 部影片。在我看來，短短 1 年 37 部影片的數量是巨大的。

如果說北方電影主要以革命宣傳任務為主，內容幾乎單一（抗美戰爭、建設社會主義），那麼南方電影則主要是順應娛樂潮流，面向城市居民。許多影片都展現了美國文化的影響。

除了製作影片外，各個南方私人電影公司還引進了大量外國電影，包括法國、美國、香港、印度和臺灣的電影。與此同時，電影院經營非常活躍，每天都吸引著大量的城市觀眾來觀影。

儘管非常活躍，南方電影只存在了大約 20 年。1975 年 4 月 30 日，越南打敗美帝國，國家統一。這一事件也標誌著南越電影的終結。一般來說，近 20 年來，南方電影已建立了一個現代電影市場，針對普通觀眾，但還有好的作品，受到很多人的喜愛。

關於這個階段，幾十年前，越南有一個特殊的現象。那就是 1975 年前的南越文學和電影不受重視，甚至被認為是邊緣、非正統的部分。這種觀點受到政治觀念的影響，因為南方電影是在美帝國入侵南方期間誕生和發展的，受到美國文化的影響。而北方電影則在共產黨的領導下。美帝國被打敗以後，在北方，人們都認為屬於南越的東西、美國人帶進越南的東西不好。等到 21 世紀初，隨著觀點變得更加開放，這種現象發生了變化。目前，南方文化遺產的研究與恢復工作已經展開，並引起了眾多研究者的關注。

這裡還需要強調的是，直到現在，雖然越南已經有了統一的電影，但兩個地區在電影製作風格上的差異還是很明顯的。私人電影公司和娛樂電影線主要發展在南方。而在北方，幾乎還保持著國家主導的電影製作風格。

這是一個複雜的時期，發生了很多重要的事件，甚至是一個相當敏感的時期，至今仍然存在爭

議。

IV. 第四階段：1975-90 年代末

這一階段有三個重要的里程碑：

第一里程碑：1975 年，如上所述，越南打敗了美帝，統一了南北。越南電影從此成爲一個統一的電影，100%由國家資助。

這一時期越南電影的主題是剛剛結束的抗美戰爭。

第二里程碑：越南社會背景發生了很大的變化，因爲 1986 年，越南政府實施改革開放的政策。這一政策爲藝術提供了廣闊的空間，非常便於吸收世界文化的精華。這刺激了電影有更多突破性的創作。

可能說，改革開放政策給電影帶來了很多發展機會，另一方面卻讓越南電影陷入危機，原因是國家電影預算被削減。

爲了應對缺乏資金的情況，許多越南私人電影公司（主要在南方）很快地轉向製作視頻電影。視頻電影很快進入了黃金時代，吸引了大量觀衆。該系列電影內容簡單（主要圍繞愛情故事展開），它最大的優點是製作速度快，投資不多，因此被稱爲“速食麵”系列，也被稱爲市場電影。該系列也給了很多演員成名的機會。大家看這種電影的時候，能看到演員很帥，很漂亮，故事很容易瞭解，但是看完以後，就沒有留下什麼印象。然而，速食麵電影線存在的時間很短，。

直到 20 世紀 90 年代中期，由於觀衆需求和口味的變化，速食麵電影線開始走下了坡路。

第三里程碑：1993 年，越南政府實施了振興電影計畫。

通過這個計畫，越南電影開始走出危機時期。影片的數量增加了。90 年代末，藝術電影線開始受到關注，不少作品受到讚賞，同時，90 年代末，越南電影對社會生活話題越來越感興趣，如《鋸木廠》、《荒穀》、《垃圾填埋場之王》等，從那改變了人們的感官，留下了社會變革的印記。

在這個階段結束時，需要注意的是，前幾期主要涉及戰爭話題，到了這個階段，關注的是日常生活話題。這是越南電影不可避免且合理的變化。

越南電影的上述變化爲第五階段的發展創造了重要前提。

V. 第五階段：21 世紀初至今

進入 21 世紀，越南電影也隨著社會背景以及地區和世界電影潮流而發生變化。21 世紀的前十年是越南電影有許多突破的時期，接下來的十年是越南電影加強合作和融入世界電影的時期。

21 世紀頭二十年越南電影的一些特點可以概括如下：

首先：在發展道路上：越南政府制定了到 2020 年和 2030 年越南電影發展戰略，爲越南電影開

關了許多機會。所以，有一些國家和私人電影公司合作的影片取得了巨大的成果。以前絕對沒有這樣的合作，例如海外越裔 Victor Vu 導演的影片《我看到綠草上的黃色花朵》。

除了國內合作外，還必須提及國際合作。最近幾年，越南電影與韓國、日本、美國等世界許多國家的電影合作。這種合作有助於提升了越南在世界上的形象。

其次，在題材上：除了戰爭和戰後之外，越南電影的題材越來越豐富，主要題材是祖國、家庭、夫妻愛情。此外，城市化和生態等最新的社會問題也開始被越南電影關心。

第三、關於體裁：有兩點值得注意

- 越南獨立電影出現。獨立電影的出現為年輕導演創造了施展才華的機會。雖然越南獨立電影在國際電影節放映時受到了高度評價，但尚未吸引很多觀眾，因為影片的資訊往往隱喻豐富，難以被感知。

- 娛樂電影線日益增長，許多作品取得了巨大的銷量。為什麼會出現這種現象呢？在我看來，由於越南電影長期以來一直在談論戰爭和戰後時期，觀眾需要新的主題。而且，現代生活充滿了壓力，人們都想看一些內容有趣的電影，帶來安慰和快樂。越南娛樂電影線深受外國電影（如臺灣、韓國、美國）的影響。這說明瞭當代電影的必然趨勢。

總的來說，越南電影 100 年來的歷史始終伴隨著國家的歷史。由於歷史特點，深受戰爭背景的影響，越南電影的發展歷程並沒有像臺灣或韓國電影那樣掀起波瀾。越南電影的歷程從戰後到創新，再到當代。今天越南電影的雄心和挑戰是建立一個逐步走向地區和世界，但仍然保持國家的獨特特徵的電影產業。

說起越南電影，就不能不提到文學改編的電影。對於每一個電影來說，無論是像法國、美國、中國、日本電影這樣歷史悠久的電影，還是像越南電影這樣年輕的電影，…文學永遠是一個陪伴，不可替代。文學為電影提供了思想，文學是電影的素材，很多文學作品在被改編成電影之後，就獲得了新的生命，“穿越”了很多不同的空間。最近，我們做了一份關於越南文學史和電影改編史的研究報告，我們在這份報告中的觀點是，文學改編的電影都是文學歷史的一部分，也是電影史的一部分。

越南電影自誕生以來一直依賴文學，許多文學作品被改編成非常成功的電影。在這篇文章中，我們選擇介紹一個被視為越南當代文學和電影“現象”的案例，那就是《無盡的田野》。

作家阮玉思(Nguyễn Ngọc Tư)的原創作品《無盡的田野》(Cánh đồng bất tận)是一部轟動越南文壇的作品。作家阮玉思的原著《無盡的田野》是一部轟動越南文壇的作品，因為那裡的人們通過一個年輕女孩的眼睛發現了鄉村生活的激烈與激烈。將失落與孤獨的悲劇推向極致，時不時讓讀者感到痛苦。

將這部作品改編成電影面臨兩個問題：

- 1/ 文學原創的盛譽
- 2/ 讀者的等待

因此，阮潘光平導演的電影《無盡的田野》上映後，遭遇了不少爭議。很多人認為電影改編不如文學作品成功。對於這個問題，我的看法如下：

第一，要明白改編也是對現有文學材料進行創作和解讀的過程。因此，不能要求電影改編與文學作品完全相同。

第二，可能是同一個故事，但文學中講述的方式和電影中講述的方式不會相同，原因是表達方式不同。故事《無盡的田野》充分發揮了文學語言的表現能力，而電影《無盡的田野》則是對周圍場景的精心處理，以創造最大的審美效果。

第三，從書本到電影《無盡的田野》：都表達了關於人類命運的統一資訊，人物們都經歷了很多苦難，即使沒有得到他們所期望的幸福，但他們仍然快樂地生活，彼此寬容和寬恕。

第四，我認為阮潘光平的電影給阮玉圖的文學作品帶來了新的生命。這部影片也讓觀眾對越南西南部的風景有了美好的印象。

第五，這部電影的票房成功表明，根據著名文學作品製作電影的趨勢或多或少可以在傳播方面發揮作用。

簡而言之，儘管對電影改編有很多讚揚和批評，但不可否認的是，故事和電影《無盡的田野》仍然是越南當代文學和電影的顯著現象。



Cánh đồng bất tận (phim)

Oàt-lâm tiān-íáⁿ: 無盡ê田野

詩人紹介 kap 作品交流

Giới thiệu nhà thơ và giao lưu thơ ca

Chiu, Tēng-pang (Chu Định Bang)	29
三台山 風：話頭詩 (Gió núi Tam Đài Sơn: Thơ giới thiệu).....	29
Trần Nhuận Minh (Tân, Jūn-bēng).....	33
1. ĐI NGANG THẾ GIAN (Chiàn-hóe jīn-seng).....	34
2. Bên cái gờ via hè ở Đài Nam (Tī Tâi-lâm ê lō-pi ⁿ)	35
Tân, Bēng-jīn (Trần Minh Nhân).....	36
《拍賣老台灣》-東門町記事 (Đấu giá Đài Loan xưa -- Ký sự Đông Môn Đình)	36
Trần Đăng Khoa (Tân, Teng-kho).....	39
Matxcova - mùa đông năm chín mươi (Bòk-su-kho - 1990 nī ê tang-thi ⁿ)	40
Tân, Chèng-hiông (Trần Chính Hùng).....	42
等待天光一佇王育德紀念館 (Chờ bình minh lên ~ tại Bảo tàng tưởng niệm Vương Dục Đức).....	42
Tạ Duy Anh (Chiā, Ūi-eng)	46
Sống với Trung Quốc (Hām 中國做厝邊).....	47
Lâm, Bú-hiàn (Lâm Vũ Hiến)	49
釣魚 (Câu cá)	50
Phan Thị Thanh Nhàn (Phoa ⁿ Sī, Chheng-êng)	51
Hương thầm (Tiām-chēng ê iû-á-hoe phang).....	51
Tân, Kim-hoa (Trần Kim Hoa)	53
228 Tōa Tô-sat (Cuộc đại thảm sát 28/2)	53
Văn Công Hùng (Būn, Kong-hiông).....	55
Ở hầm rượu KAVALAN (Tī KAVALAN ê chiú-khut).....	55
Chiú ⁿ , Jit-êng (Tuồng Nhật Doanh)	57
雞母蟲 (Con Sùng đất).....	57
Nguyễn Ngọc Tư (Ńg, Giòk-su)	60
Căn cước (Sin-hūn-chèng).....	60

Tân, Tek-bîn (Trần Đức Dân).....	62
Dòng máu Lạc Hồng (Lòh (Lók) Hông ê hiat-thóng)	62
Kiều Thị Bích Hậu (Kiâu Sī, Phek-hiō).....	64
Bài ca sông Hồng (Âng-hô ê koa-khek).....	65
Chiú ⁿ , Ủi-bûn (Tưởng Vi Văn).....	66
Pèh-sek Áo Dài (Áo dài trắng).....	67
Nguyễn Hải Đường (Nǎg, Hái-tông)	69
SO SÁNH (Pí-kàu).....	69
Ko, Goát-oân (Cao Nguyệt Viên)	71
七字詩文 (Thơ bảy chữ)	71
Lê Thiếu Nhơn (Lê, Siàu-jîn)	73
TĨNH LẶNG LÚC GIAO MÙA (CHEH-KÙI KAU-ŌA ⁿ SĪ Ê TIĀM-CHĒNG)	73
Lí, Siok-cheng (Lí Thục Trân).....	75
清明節 ê 心境 (Nỗi lòng tiết Thanh Minh)	75
Âng Ek-sim (Hồng Ưc Tâm).....	77
空喙 (Vết thương).....	77
Tân Lī-bûn (Trần Lợi Văn).....	80
夢，停跋 (Mộng, dừng chân)	80

Chiu, Tēng-pang (Chu Định Bang)



Chu Định Bang (Chiu, Tēng-pang) sinh năm 1958, người Thanh Côn Thân, Khu Tướng Quân, Đài Nam. Ông học Ngành Xây dựng công trình tại Trường Công nghệ Đài Bắc (Taipei Institute of Technology) và tốt nghiệp Thạc sĩ tại Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Thành Công. Hiện nay là Trợ lý nghiên cứu tại Bảo tàng Văn học Quốc gia Đài Loan (National Museum of Taiwan Literature), Ủy viên thường vụ Ban chấp hành Hiệp hội chữ La-tinh Đài Loan, Ủy viên Ban chấp hành Hội bút Ngữ Văn Đài

Loan. Ông từng làm nghề Kiến trúc, từng mở công ty thiết kế xây dựng, nhưng sau này theo Ngô Thiên La và Chu Định Thuận học hát nói Đài Loan và dân ca Hằng Xuân, lập ra Phòng văn nghệ Hát nói tiếng Đài nhằm quảng bá và giảng dạy nghệ thuật hát nói Đài Loan. Các sáng tác của ông gồm có: Tập thơ “Thợ xây” (起厝兮工儂), “Ban Chi hoa khai” (斑芝花開), “Ilha Formosa”; Sử thi bạch thoại bảy chữ tiếng Đài “Khởi nghĩa Ta-ba-ni” (義戰嘍吧嘍), “Quế hoa oán” (桂花怨); Sách ca hí “Đài Loan Phong Vân Bảng” (台灣風雲榜), kịch bản tiếng Đài vở “Cô tuyến nguyệt ca” (孤線月琴); Tuyển tập kịch bản vở rối “Nước mắt anh hùng” (英雄淚) và một số kịch bản nổi tiếng trên thế giới đã được ông dịch sang tiếng Đài.

-Nguyễn Thị Linh dịch

三台山 風：話頭詩 (Gió núi Tam Đài Sơn: Thơ giới thiệu)

Thái Thị Thanh Thủy dịch

<p>01 明月牽孤星 ／曲：恆春民謠 Sū-siang-ki Sū-siang-ki 三台山頂南風起 毛柿樹 kha Sū-siang-ki 絃 á 月琴日 thàng 暝 Chhin-chhiūⁿ 明月牽孤星</p>	<p>01 Trăng tròn dìu vì sao cô đơn /Ca khúc: Dân ca Hằng Xuân điệu Sū-siang-ki Sū-siang-ki Gió Nam nổi ở trên núi Tam Đài Dưới gốc cây gỗ mun đen Sū-siang-ki Dây đàn, nguyệt cầm đàn thâu đêm Như là trăng tròn dìu vì sao cô đơn</p>
---	--

<p>Sū-siang-ki 老欖 íong-kiāⁿ 日 tng-khiā Chiⁿ 籐 táⁿ chāi peh 山壁 民謠傳承 kut-lát chhiāⁿ 月琴功夫盡 siu-siah</p> <p>02 琴字入心肝 ／曲：恆春民謠楓港小調 天出紅霞 jit-hāⁿ-soaⁿ Nng 枝 ká-chí 雙條線 琴字 jī-jī 入心肝 恆春民謠 kian-sim thòaⁿ</p> <p>日鬚流射葉縫中 Chúi-chhiang 飛奔萬里揚 月琴音聲展姿容 恆春民謠吟家鄉</p> <p>03 半島 pē-kiáⁿ 情 ／曲：恆春民謠四季春 伯--á 民謠 kài 轟動 Khó-pí 半島落山風 喚醒之父你有 hoan-hù 講 民謠傳承 ài 我做前鋒 港 á 沙埔 ká 風湧</p>	<p>Sū-siang-ki Cây già trảng kiện mặt trời đang rục nắng Mầm non vươn mạnh leo tường núi Lưu truyền dân ca ra sức hoàn thành Ngón đàn nguyệt cảm quyết tâm dạy dỗ</p> <p>02 Ngón đàn thắm vào tim /Ca khúc: Dân ca Hằng Xuân điệu Phong Cảng Trời hiện mây màu màn đêm dần buông Hai thanh chinh âm hai sợi dây đàn Ngón đàn từng chữ thắm vào tim Dân ca Hằng Xuân kiên tâm gìn giữ, sinh sôi</p> <p>Ánh nắng chiếu xuyên qua kẽ lá Thác nước bay về hướng ngàn dặm Âm thanh đàn nguyệt hiện dung nhan Dân ca Hằng Xuân hát quê hương</p> <p>03. Tình cha con bán đảo /Ca khúc: Dân ca Hằng Xuân điệu Tứ Quý Xuân Dân ca cha hát quá nổi tiếng Như là gió qua miền bán đảo “Bạc thầy vỡ lòng”, cha có dặn dò Lưu truyền dân ca con phải là tiên phong Bến cảng bờ cát cuộn sóng gió</p>
---	--

<p>你 lán pē-kiáⁿ ê 感情 人間國寶是你 ê 天命 恆春民謠 hō 我來傳承</p>	<p>Tình cảm cha con gia đình mình Bảo vật quốc gia là định mệnh của cha Dân ca Hằng Xuân con sẽ là gìn giữ, lưu truyền</p>
<p>04 山路冷風 kôaⁿ / 曲：恆春民謠五空小調 日頭 lóh 海 óa 黃昏 滿天紅霞 ní 彩雲 月琴音聲笑 bún-bún 引阮暝日想師尊 引阮暝日想師尊</p>	<p>04. Đường núi gió lạnh / Ca khúc: Dân ca Hằng Xuân điệu Ngũ Không Mặt trời xuống biển cận hoàng hôn Đầy trời là sắc mây rực rỡ Âm thanh đàn nguyệt cười duyên dáng Khiến tôi ngày đêm nhớ thầy mình Khiến tôi ngày đêm nhớ thầy mình</p>
<p>月娘 chhiâ 西星 chiūⁿ 山 山路 khám-khiat 冷風 kôaⁿ Chit 隻 láh-hiòh chu-chu 看 Sì-kè chhōe 無人做伴 Sì-kè chhōe 無人做伴</p>	<p>Mặt trăng khuất núi sao dần hiện Đường núi gặp ghềnh gió lạnh nhiều Có con chim ưng nhìn chăm chú Bốn bề không có ai làm bạn Bốn bề không có ai làm bạn</p>
<p>05 Kian-sim áⁿ 琴聲 / 曲：恆春民謠平埔調 手 giáh 月琴 áⁿ 心肝 一手做音一手彈 Kian-sim 月琴來做伴 免驚冷風 gàn koh kôaⁿ 伯--á beh 走有 kau-tài</p>	<p>05. Kiên tâm điệu tiếng đàn / Ca khúc: Dân ca Hằng Xuân điệu Pêⁿ-ơ Tay cầm đàn nguyệt ôm vào lòng Một bên viết nhạc một bên đàn Kiên tâm đàn nguyệt làm bầu bạn Không sợ gió to gió lạnh lòng Trước khi đi xa thầy dặn rằng</p>

M-thang sit-lòh chiah 應該 恆春民謠 to bē-bái 月琴歌聲 thoân lòh-lâi	Không được nản chí thối lòng là điều đúng Dân ca Hằng Xuân rất tuyệt vời Tiếng ca đàn nguyệt lưu truyền mãi
--	---

Trần Nhuận Minh (Tân, Jūn-bêng)



Tân Jūn-bêng tī 1944 nī 8 goèh 20 hō chhut-sè. Kò-hiong tī Oát-lâm Hái-iông (Hải Dương) chhi, Lâm-chhek (Nam Sách) koãn, Kok-chùn (Quốc Tuấn) siã, Tiên-tí (Điền Trì) chhoan. I tī Hô-lai chong-háp tãi-hák (Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội) gí-bùn-hē pit-giáp, ùi 1982 nī í-keng sī Oát-lâm chok-ka hiáp-hōe ê hōe-oân, nng kái sī Oát-lâm chok-ka hiáp-hōe si-koa úi-oân-hōe ê úi-oân. Hiãn-chhāi i tī Kng-lêng (Quảng Ninh) séng, Hā-liông (Hạ Long) chhi seng-oáh kap siá-chok. Tùi 1962 kàu 1969 nī, i tī Hông-Kng (Hồng Quảng) không-khu (chím-má sī Kng-lêng-séng) kà-chheh.

Tùi 1969 kàu 2005 nī, i tī Kng-lêng-séng Bùn-hák gē-sút hiáp-hōe (Hội Văn học Nghệ thuật) chò-khang-khòe, bat sī Tóng thoãn pì-su, séng ê Bùn-hák gē-sút hiáp-hōe chú-sék kap “Hā-liông-pò” ê chóng phian-chip. Tī 2007 i nī í-keng êng-hék tē-jī-kài Kok-ka-bùn-hák-gē-sút-chióng, sī 65 pún chu-chheh tī kok-lāi-gōa chhut-pán ê chok-chiá (kī-tiong ũ 12 pún Eng-gí si-chip). I ê si-chok í-keng hō-làng hoan-chò choân-kiû tī 20 ê kok-ka, 16 chióng gí-giân, lāi-té pau-koat ũ hoan-chò Tái-gí kap Hôa-gí ê “Chiàn-hóe jîn-seng” (Đi ngang thế gian) ê si-chip, jī-chhiá” 2018 nī tī Tái-oân chhut-pán.

-Chhòa Sī, Chheng-chúi hoan-ék

Goân-bùn Siâu-kài

Trần Nhuận Minh sinh ngày 20/8/1944, quê ở làng Điền Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Ông tốt nghiệp khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ 1982, hai nhiệm kỳ là Ủy viên Hội đồng thơ Hội Nhà văn Việt Nam. Hiện ông sống và viết tại Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Từ năm 1962 đến 1969, ông dạy học tại khu mỏ Hồng Quảng nay là tỉnh Quảng Ninh. Từ 1969 đến 2005, ông công tác tại Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh, từng làm Bí thư Đảng Đoàn, Chủ tịch Hội VHNT tỉnh, Tổng biên tập báo Hạ Long. Ông đã đạt giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 2 năm 2007, tác giả 65 tập sách được xuất bản ở trong và ngoài nước (trong đó có 12 tập thơ tiếng Anh). Thơ của ông đã được dịch ra 16 ngôn ngữ ở 20 nước trên thế giới, trong đó có tập thơ “Đi ngang thế gian” được dịch ra tiếng Đài Loan, tiếng Trung và xuất bản tại Đài Loan năm 2018.

1. ĐI NGANG THỂ GIAN (Chiàn-hóe jîn-seng)

C.U.B. hoan-ék

Trong ngày có bóng đêm	Jit--sî ũ àm-mî ê íá ⁿ
Trong đêm có ánh ngày	àm-mî ũ jit--sî ê kng-iā ⁿ
Khí trời hồn nhiên vận hành qua sắc cỏ	Hoe-chháu keng-kòe gōa-chē hong-hō
Sau mọi kiếm tìm	Góa chhiau-chhōe chin-kú
Tôi tuyên bố	Góa soan-pờ
Tôi chẳng phải là tôi. Tôi cũng chả là gì...	Góa m̄-sī goân-lâi ê góa. Góa siá ⁿ -mih lóng m̄-sī...
Mây bây giờ, ngàn năm trước đã bay đi	Chit-má ê hùn, chheng nî chêng tō poe cháu à
Mọi giành giật rồi thành hư ảo hết	Só-ū ê kè-kàu chhiú ⁿ -toat lō-bóe lóng sī kang
Chém sáng giữa vòm khuya	He kng-iā ⁿ ê goéh-niū
Ngôi sao đã chết	khàm kòe só-ū ê thi ⁿ -chhi ⁿ
Có trái đất xanh tươi này	Che tē-kiū ê chhùi-chhi ⁿ
chỉ là ngẫu nhiên thôi...	lóng sī chù-tok--ê niā...
Như ngẫu nhiên mà có cuộc đời tôi	Chù-tok chhut-sì tiòh góa
Thơ tôi cũng ngẫu nhiên	Hām góa ê si-koa mā sī chù-tok--ê
mà long lanh như vậy rần	Chhiū ⁿ chōa-lân kâng-khoán siám-sih
Kim Tự Tháp đứng im vẫn bay vạn dặm	Kim-jī-thah bē-tín-bē-tāng, m̄-koh miā-sia ⁿ thàu sè-kài
Kẻ giỏi hạ cây dâu cần đến sức rìu...	Gâu chhò chhiū-á ê lāng lóng bián giáh pò-thâu...
Tất cả đổi thay nhanh	Ták-hāng piàn-hòa lóng chin kín
dù vẫn sớm vẫn chiều	sui-bóng sī-kan kâng-khoán ùi thàu-chá kàu thàu-àm
Tôi không đổi thay	

<p>Càng mới thì càng cũ Đi ngang thế gian mặt đầy hăm hố Tôi cặp nách một kho vàng Toàn là ánh trăng sông...</p> <p>2003</p>	<p>Góa chit-sut-á to bô piàn Lú sin tō lú kū Liâu kòe chiàn-hóe jîn-seng kui bīn liâu-hūn Góa kan-taⁿ siang-kha giáp chit-ê kim-khò lāi-té lóng sī goéh-niū ê kng-iāⁿ</p> <p>2003 nī</p>
--	---

2. Bên cái gờ via hè ở Đài Nam (Tī Tâi-lâm ê lō-piⁿ)

C.U.B. hoan-ék

<p>Đường đi bộ dài theo hành lang nhà Nền nhà thấp cao nên có bậc cao thấp Mép ngoài đã viền bằng gạch màu Viên vàng tiếp viên nâu Trông như da rắn cạp nong loang lổ ...</p> <p>Tôi chỉ nhận ra điều đó Khi có ông già lạng lẽ đứng bên Thấy tôi là người lạ đi qua Ông khẽ nhắc: - Xin ngài cẩn thận Chỗ này có thể bị vấp ngã!...</p> <p>Dai Nam Hotel - Đài Loan, 24/10/2018</p>	<p>Kiâⁿ tī tng-tng ê gîm-chiⁿ kha Kha-pō tōe chhū koân-koân kê-kê Sî-khơ kheng sek-tī Iáh-ū ñg=ê iáh-ū kha-pi=ê Ká-ná sī lèk-chīn chhong-song ê chōa-phôe...</p> <p>Góa kan-taⁿ ē-kì--chit Ū chit ũi tiām-tiām ê lâu a-peh Khòⁿ góa chheⁿ-hūn-lâng kiâⁿ--kòe I hó-lé-á kâ góa thê-chhéⁿ: Ài sè-jī oh! Chia chin gâu poáh-tó!...</p> <p>Tâi-lâm Tōa Png-tiām - Tâi-oân 2018/10/24</p>
--	---

Tân, Bêng-jîn (Trần Minh Nhân)



Trần Minh Nhân (Tân, Bêng-jîn), bút danh Asia Jilimpo. Ông sinh năm 1954, người làng Trúc Vi Tử, Nguyên Đẩu, Nhị Lâm, Chương Hóa.

Ông là thế hệ nhà văn đi đầu trong phong trào sáng tác văn học Đài Loan bằng chữ Hán - Latinh, ông cũng là chiến sĩ nòng cốt tiên phong trong cuộc vận động ngữ văn Đài. Ông từng đảm nhiệm vị trí: Ủy viên Kiểm tra và Phê duyệt Sở Thông tin Viện Hành chính; Ủy viên

Tư vấn Ủy ban Khách Gia (Hakka) Viện hành chính. Hiện nay ông đảm nhiệm vị trí: Chủ tịch Hội Bút Đài Loan (Taiwanese Pen); Chủ tịch Hiệp hội Giáo dục Ngữ Văn Đài Hải Ông; Thành viên thường vụ Hội đồng Quản trị Quỹ Giáo dục Ngữ văn Lí Giang Khước; Giám đốc Tạp chí Báo Bong Thông tấn xã văn học Đài Loan; Giảng viên Văn học tiếng Đài Quỹ Công ích Văn hóa Lâm Vinh Tam; Tổng biên tập Báo Giáo dục tiếng Đài. Các tác phẩm của ông đã xuất bản, bao gồm: “Đi tìm Đài Loan lưu lạc”(走找流浪的台灣); “Lưu lạc ký sự”(流浪記事); “Thơ ca tiếng Đài Trần Minh Nhân”(陳明仁台語歌詩), “A Tồn”(A-eh-hûn), “Những câu chuyện khai hoang”(Pha 荒 ê 故事); “Tập văn học Đài ngữ Trần Minh Nhân”(陳明仁台語文學選); “Con đé dưới cây bên đường”(路樹下 ê tō-peh-á), v.v.

-Đặng Thị Kiều Oanh dịch

《拍賣老台灣》-東門町記事

(Đấu giá Đài Loan xưa -- Ký sự Đông Môn Đình)

Lù Việt Hùng dịch

Koh 來...chit 對枕頭 請出價，sió 等... .. 睏過數十年 ê 恩愛 Goán 兄弟姊妹 lóng 來出世 Lín beh 出 joā-chê 來，聽詳細 Chit 對舊枕頭 睏過大東亞戰爭	Tiếp nữa... một đôi gối Mời ra giá, đợi chút... Ân ái qua hàng chục năm trời Anh chị em tôi đều đã ra đời Anh muốn trả bao nhiêu Đây, nghe kỹ nhé Một đôi gối cũ kỹ Qua cuộc chiến tranh Đông Á
---	--

睏過二二八事件

孤枕難眠 ê 目屎

緊張驚惶 ê 歲月

睏過台灣 ê 歡喜 kap 心酸

Lín beh 出 joā-chē

Goán m̄ 是生理人

Goán 做伙走 chhōe 1 種心情

Ē-tàng 聯接古早 kap 現代

親像 chit-ê 時鐘

一直行，一直走

用熱情的發條

行過台灣 ê 歷史

Goán 做伙走 chhōe 1 種心情

Ē-tàng 聯接你 kap 我

親像 chit 面梳妝鏡

褪色 ê 鏡花

猶原照著 ka-tī ê 孤單

Sió 等，慢且出價

時鐘 leh 行

鏡內 ê 紅顏

已經褪色

青春需要 siáⁿ-mih 價 siàu

chiah ē-tàng 買--tng-來

歷史 ài 付 siáⁿ-mih 代價

chiah ē-tàng 換做笑容

Thàu 風落雨 ê 暗暝

Qua những ngày hai tám tháng Hai

Này nước mắt gối chiếc đơn côi không ngủ

Này tuế nguyệt lúc hoang mang, rợn người

Ném trái hết nỗi buồn và niềm vui của Đài Loan

Anh trả được bao nhiêu?

Ta chẳng phải nhà buôn

Hãy cùng kiếm tìm một thứ cảm xúc

Kết nối xưa và nay

Giống như chiếc đồng hồ

Cứ đi, cứ chạy

Lòng nhiệt tình làm dây cót

Đi qua lịch sử Đài Loan

Hãy cùng kiếm tìm một thứ cảm xúc

Kết nối ta và em

Như bề mặt gương kia

Hoa vãn dù bạc màu

Vẫn rọi nỗi cô đơn

Đợi chút, chờ chút hãy trả giá

Đồng hồ đang chạy

Hồng nhan trong gương

Đã thôi màu

Thanh xuân có giá nào

Mới mua lại được

Lịch sử có giá nào

Mới đổi được nụ cười

Đêm nổi cơn giông gió

東門町 kâng 款夜色	Cảnh đêm Đông Môn Kinh như xưa
Lán 透過互相 ê 寂寞	Qua nỗi trống vắng của nhau
拍賣 1 種心情	Ta đấu giá cảm xúc
台灣古老 ê 感情	Tấm chân tình Đài Loan xưa
好，請出價	Nào, xin mời trả giá
這種感情 1 斤 joā-chē?	Tấm tình này, một cân giá bao nhiêu?

Trần Đăng Khoa (Tân, Teng-kho)



Tân, Teng-kho si-jîn tī 1958 nî 4 goeh 26 hō chhut-sè. Chèk-koàn: Oát-lâm Hải-iông (Hải Dương) chhi, Lâm-chhek (Nam Sách) koãn, Kok-chùn (Quốc Tuấn) siã, Tiên-ti (Điền Trì) chhoan.

Bîn-chòk: Keng-chòk

Hiãn-chhài tòa tī Hô-lãi (Hà Nội)

Tân Teng-kho si-jîn tī Ng Iu (Nguyễn Du) siã-chok hák-hâu pít-giáp, M. Gorky sè-kài bûn-hák hák-īⁿ (Lõ-se-a liên-pang), bat sī hái-kun, liók-kun kun-koaⁿ hák-oãn, siông-kàu, “Kun-tui bûn-gē” chấp-chì ê phian-chhip-oãn, Oát-lâm tiãn-si-tai bûn-hák gē-sút pō ê chú-jim, Oát-lâm chok-ka hiáp-hōe tē 7 kai chip-hêng úi-oãn-hōe ê úi-oãn, Oát-lâm tiãn-si-tai tiãn-si pîn-tō ê keng-lí. Bòk-chêng i si Oát-lâm chok-ka hiáp-hōe ê hù chú-sék. 7, 8 hòe ê sī-chûn í í-keng chhut-miã sī si-koa ê “sîn-tông”. Tī Kim-tông chhut-pán-siã (NXB Kim Đồng) chhut-pán “Tùi goán tau mng-tiã ê chit-kak-lòh” (Từ góc sân nhà em) sī í tú-hó 10 hòe ê sī-chûn ê si-chip. Tū-liáu siã si í-gōa, í iáu-koh siã bûn-hák phêng-lûn kap sãn-bûn. I bat tit-tiòh Kok-ka bûn-hák gē-sút-chióng, Thài-kok (Thái Lan) Sùn Thon Phu bûn-hák-chióng.

-Chhòa Sī, Chheng-chúi hoan-ék

Goãn-bûn Siãu-kài

Nhà thơ Trần Đăng Khoa sinh ngày 26 tháng 4 năm 1958. Quê quán: thôn Điền Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, Hải Dương. Dân tộc: Kinh. Hiện thường trú tại: Hà Nội. Nhà thơ Trần Đăng Khoa tốt nghiệp trường viết văn Nguyễn Du, Học viện Văn học thế giới mang tên M. Gorky (CHLB Nga), từng là lính Hải quân, học viên Sĩ quan lục quân, Thượng tá, biên tập viên tạp chí Văn nghệ Quân đội. Trưởng ban Ban văn học nghệ thuật Đài tiếng nói Việt Nam, Ủy viên BCH Hội Nhà văn Việt Nam, khoá VII, Giám đốc kênh truyền hình VOV Đài Tiếng nói Việt Nam. Ông hiện là Phó chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam. Ông nổi tiếng là “thần đồng” thơ từ khi mới 7, 8 tuổi. Tập thơ “Từ góc sân nhà em” in ở NXB Kim Đồng lúc vừa tròn 10 tuổi. Ngoài thơ, ông còn viết phê bình văn học và văn xuôi. Ông đã đạt giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật, Giải thưởng Văn học Sùn Thon Phu (Thái Lan).

**Matxcova - mùa đông năm chín mươi
(Bòk-su-kho - 1990 nĩ ê tang-thiⁿ)**

Rồi tất cả sẽ qua thôi, em ạ	It-chhè ē kòe--khì, chhin-ài--ê
Mọi sự kiện cũng sẽ qua, như một váy ngắn dài	Só-ū sū-kiā ⁿ mā ē kòe-khì, chhin-chhiū ⁿ tng-té iū ⁿ -chong ê liū-hêng kâng-khoán
Những trí tuệ thông minh rồi sẽ thành lẩn thẩn	Cheng-kong ê tì-hūi mā ē piàn-chòe khong-khám gōng-tai
Có vẻ đẹp nào không héo úa, tàn phai?	Ū sím-mih khoán ê bí-lē bē hiáu tiau-thâu, tām-hòa cháu-sek?
Thời gian vẫn đi lạnh lùng, khắc nghiệt	Sī-kan iū-oân kòe--khì, léng-tām, khek-pòk
Có kiệt tác hôm nay, mai đã bẽ bàng rồi	Ū ê kin-á-jit sī kiát-chok, bīn-ná-chài í-keng piàn-chiā ⁿ chhiò-ōe
Bao thần tượng ta tôn thờ cung kính	Gōa-chē ngó-siōng lán chōng-pài chun-kèng
Mưa nắng bào mòn còn trơ lổn đất thối	Hō-chúi jit-thâu-kng chhim-sit chí chhun thō-sim nā-tiā ⁿ
Ở nơi nào kia, chiến tranh đang gầm rú	Toh chit ê só-chāi, chiàn-cheng teh hơ-háu
Những quốc gia nào đang thay ruột đổi ngôi	Toh chit ê kok-ka teh ōa ⁿ -tiâu-tē
Trái đất mỏng manh và đáng thương biết mấy	Tē-kiū chhùi-jiók ū gōa-á khó-liân
Trước những mưu mô toan tính của con người	Tī jīn-lūi im-bô kúi-kè chi-hā
Giữa thế giới đổi thay và tráo trở	Tī piàn-hòa kap khi-phiàn ê sè-kài tiong-kan
Anh yêu em. Ta nào thiết gì đâu	Góa ài lí. Lán bô su-iàu jīm-hô mih-kiā ⁿ
Thôi đừng bận tâm về những gì sẽ tới	Bián khòa-lū siá ⁿ --á tãi-chì beh lâi
Chỉ biết lúc này ta đang ở bên nhau	Kan-nā chai-ia ⁿ chit-tong-sī lán teh chò-hóe
Ta dạt vào đâu đây, niềm đam say ngây ngất	Lán phiau-liū kàu toh-ūi-á, him-hí iòk-kōng ê tím-chùi
Tuyết trắng muốt đầu mùa. Những đỉnh	Péh-siak-siak ê chhơ -seh. Hiah-ê chong-giâm

<p>tháp uy nghiêm</p> <p>Hãy im lặng cho làn môi run rẩy</p> <p>Nói những điều huyền bí của thiên nhiên</p> <p>Tất cả sẽ qua đi. Chỉ tình yêu còn lại</p> <p>Tình yêu giữ cho ta mãi mãi là Người</p> <p>Nếu thế giới này không còn tình yêu nữa</p> <p>Thì biết đâu trái đất đã tan rồi..</p>	<p>ê thah-téng</p> <p>Beh tiām-tiām-á hō khū-khū-chùn ê chhùi-tùn</p> <p>Kóng chit-kóa-á tãi-chū-jiân ê ò-pì</p> <p>It-chhè ē kòe--khì. Chí ũ ài-chêng chhun-lòh-lâi</p> <p>Ài-chêng pó-liû hō lán éng-oán sī Jîn-lūi</p> <p>Nā-chún chit-ê sè-kài bô-koh ũ ài-chêng</p> <p>Sià-lâng chai-íáⁿ tē-kiû chá-tiòh í-keng siau-biát iûⁿ-khì ...</p>
--	--

Tân, Chèng-hiông (Trần Chính Hùng)



Trần Chính Hùng (Tân, Chèng-hiông), sinh năm 1962 tại thôn Liễu Doanh, Đài Nam, hiện cư trú tại An Bình, Thành phố Đài Nam. Là giáo viên đã về hưu của trường Trung học Đệ nhất Đài Nam, hiện nay là Ủy viên Ban chấp hành Hội Bút Đài Loan.

Những giải thưởng từng đạt được: Giải thưởng văn học vùng Diêm Phen; Giải Gương mặt mới và Giải sáng tác trong loạt giải thưởng văn học Nam Doanh; Giải thưởng văn học Phủ Thành; Giải thưởng văn học tiếng Đài Hai-ang; Giải thưởng sáng tác văn nghệ của Bộ giáo dục; Giải thưởng văn học tiếng mẹ đẻ do Bộ giáo dục trao tặng; Giải thưởng văn học tiếng Đài Lý Giang Khước; Giải thưởng cống hiến giành cho những cá nhân xuất sắc trong phong trào thúc đẩy và mở rộng ngôn ngữ mẹ đẻ do thành phố Đài Nam và do Bộ giáo dục trao tặng; Giải thưởng văn học Thành phố Đài Nam.

Tác phẩm: Tập thơ tiếng Đài “Bài hát quê hương” (故鄉的歌), Cục Văn hóa Đài Nam. Tập thơ tiếng Đài “Cỏ lau trong gió” (風中的菅芒), Thư viện thành phố Đài Nam. Tập thơ tiếng Đài “Mất ngủ” (失眠集), Nhà xuất bản Nam Nhất. Tập thơ tiếng Đài “Phủ Thành yêu thương” (戀愛府城), Tiệm sách cũ Phủ Thành.

-Phạm Ngọc Thúy Vi dịch

等待天光—佇王育德紀念館

(Chờ bình minh lên ~ tại Bảo tàng tưởng niệm Vương Dục Đức)

Thái Thị Thanh Thủy dịch

對一九四九年彼冬熱人	Vào mùa hè năm ấy, năm 1949
青狂走離開台灣	Ông vội vàng rời khỏi Đài Loan
到一九八五年入秋	Đến đầu mùa thu năm 1985
雄雄佇日本過身	Đột nhiên qua đời trên đất Nhật
你一直無機會閣再倒轉來	Ông vẫn chưa có dịp được trở lại Đài Loan
台灣 ê 形影佇你 ê 夢裡愈來愈清楚	Trong giấc mộng của mình, hình ảnh Đài Loan ngày càng rõ mồn một
故鄉 ê 字畫佇你 ê 筆下愈來愈沉重	Dưới ngòi bút của mình, hình hài quê hương ngày càng sâu nặng hơn
用咱 ê 喙舌共母語一句一句鬥做伙	

<p>成做一首詩 佇海 ê 這片 呼叫你 𪗇翻頭 用咱 ê 筆尖共台文一字一字牽相連 鞏出一條橋 對海 ê 彼岸 引恁你行過來</p> <p>你一步一步 𪗇翻頭行過來 早前予個 用權力 ê 牢籠關禁佇記憶 ê 海外 用欺騙 ê 塊埃掩蓋佇真相 ê 土底 拗曲 kah 強欲認袂出來 ê 身影 愈來愈明顯 抹烏 kah 將近看袂清楚 ê 面容 愈來愈清楚</p> <p>這時陣 袂閣有看著特務早暗咧跟蹤監視 無閣再聽見銃聲四界咧擾亂恐嚇 極加是 一寡魚仔定定探頭出來偷看 幾隻厝鳥不時公開走來攪吵</p> <p>今仔日起 咱看會著 ê 是國內外無分男女大細 用個好玄 ê 目神 對舊老 ê 相片頂面</p>	<p>Chúng ta dùng đầu lưỡi của mình, đem từng câu từng câu tiếng mẹ đẻ viết thành một bài thơ Phía bên này của biển, Đài Loan gọi mời ông quay trở về Chúng ta dùng ngòi bút của mình, đem từng chữ từng chữ tiếng Đài tạo nên một cây cầu Phía bên kia của biển, Nhật Bản dẫn dắt ông bước đi qua Từng bước từng bước ông quay lại, trở về Bị bọn họ trước đây Dùng lao tù của quyền lực giam cầm ký ức hồi hải ngoại Dùng bụi bặm của lừa gạt che giấu sự thật trong lòng đất Thị phi, bóp méo tràn trề đến mức không nhận ra hình bóng Càng ngày càng rõ rệt Phi bóng, bôi nhọ đầy rẫy đến mức không nhận ra mặt mày Càng ngày càng rõ ràng</p> <p>Giờ đây không còn thấy bọn đặc vụ sớm tối theo dõi, giám sát không còn nghe tiếng súng khắp nơi quấy nhiễu hăm he Có chăng chỉ là một ít cá con thường thò đầu ra nhòm ngó vài chú chim hay mạnh dạn đến ồn ào</p>
---	---

<p> 沓沓仔走揣長久以來 就罕得出現 ê 往過 咱聽會著 ê 是規台灣毋管東西南北 用個好玄 ê 心情 佇生份 ê 文字內底 輕輕仔念起真久以前 予咱放袂記 ê 故事 行過千萬里遠 ê 路途 漂泊 ê 跔步 欲永遠佇這塊土地停倚靠岸 無愛繼續流浪 回歸 ê 靈魂 會一直倚家己 ê 故鄉安心歇暍 無欲閣再苦悶 經過六十外冬 ê 長暝 堅持毋捌搖動方向毋捌改變 烏暗將欲過去希望就佇頭前 踮這個所在 我恰你做伙 靜靜 等待 天光 </p>	<p> Bắt đầu từ hôm nay Chúng ta sẽ nhìn thấy cả thế giới không phân nam nữ trẻ già Bằng ánh mắt hiếu kỳ của họ Nhìn những bức ảnh cũ mèm Dần dần tìm ra từ trước đến nay Xuất hiện một quá khứ hi hữu Chúng ta sẽ nghe thấy toàn Đài Loan không phân Nam Bắc Đông Tây Bằng cảm giác hiếu kỳ của họ Từ trong những dòng chữ xa lạ Nhẹ nhàng đọc lên từ rất lâu trong quá khứ Có một câu chuyện mà chúng ta đã lỡ bỏ quên Đi qua hàng ngàn dặm đường trường Những bước chân trôi dạt Ước mong muôn đời dừng lại, an cư ở mảnh đất này Để không còn phải lang thang, lưu lạc Bến đỗ của tâm hồn Sẽ mãi nơi quê hương mình, nghỉ ngơi, tâm tịnh Để không còn những muộn phiền âu lo Trải qua hơn sáu mươi năm an nghỉ Kiên trì chưa hề dao động phương hướng chưa hề đổi thay Mây đen sẽ phải vén màn hy vọng ở ngay trước mắt Ở tại nơi này Tôi cùng bạn Yên lặng </p>
---	--

Tạ Duy Anh (Chiā, Ūi-eng)



1959 nī tī Hô-si (Hà Tây) (chím-má siók Hô-lâi) chhut-sè. Siông tãi-seng ê chit-giáp sī: âng-mâng-thô phín-chit kiám-giām jîn-oân. I bat chham-kun tùi-không Tìong-kok ê chhim-liók. Thè-ngó í-âu, I chiū-thók Ng Iu (Nguyễn Du) siá-chok hák-hâu, tãi-hák khò-têng. Í “Phái-miā ê lău-a-kong” (Lão Khổ)

sió-soat, í iu-siù hák-sū hák-ūi pit-giáp, siū iau-chhiáⁿ lău-lòh-lâi chò chhông-chok pō-mâng ê káng-su. Âu-lâi, choán-hâng hū-chek tô-su phian-chip, tam-jīm chú-jīm, tī Chok-ka hiáp-hōe chhut-pán-siā (Oát-lâm siông-tōa ê chhut-pán-siā) chò-khang-khòe it-tit kàu 2020 nī thè-hiu. I tī 19 hòe ê sī-chūn tō khai-sí bûn-hák chhông-chok, kàu chím-má í-keng chhut-pán hām kong-pò 30 pún

chu-chheh, lăi-té ũ 8 pún sió-soat. Tit-tiòh 7 ê bûn-hák-chióng. Tī 2000 nī í-lâi, i ũ chin chē chok-phín ē-tàng tī ko-tìong chêng-sek chiāⁿ-chò kàu-châi.

I ê chok-phín khi-hō hoan-ék chò chin chē bô-kâng ê gí-giân, lăi-té ũ “Phái-miā ê lău-a-kong” (Lão Khổ) sió-soat hoan-ék chò Hoat-gí kap Eng-gí. “Tōa-chúi-hiā lú-ông” (Mối Chúa) sió-soat (tī Oát-lâm hō lăng kìm-chí hoat-hêng) soah ē-tàng tī Bí-kok iông Eng-gí chhut-pán. “Hām Tìong-kok chò chhù-piⁿ” (Sống với Trung Quốc) sió-soat (iáu-bōe tit-tiòh tī Oát-lâm chhut-pán ê hí-khó-chêng), tō í-keng hoan-ék chò Tâi-gí kap Hôa-gí, 2021 nī tī Tâi-oân chhut-pán. Chiok chē i ê sà-n-bûn hō hoan-chò: Eng-gí, Hoat-gí, Lō-se-a-gí, Jit-gí, Hôa-gí, Thài-kok-gí, Hân-kok-gí...

-Chhòa Sī, Chheng-chúi hoan-ék

Goân-bûn Siāu-kài

Sinh năm 1959, tại Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Nghề nghiệp ban đầu: Nhân viên kiểm định chất lượng bê tông. Ông từng tham gia quân đội chống sự xâm lược của Trung Quốc. Sau khi giải ngũ, theo học trường Viết Văn Nguyễn Du, chương trình đại học. Tốt nghiệp với bằng cử nhân xuất sắc bằng tiểu thuyết Lão Khổ, được mời lại làm giảng viên bộ môn sáng tác. Sau đó chuyển sang làm công việc biên tập sách, với chức vụ Trưởng ban, tại Nhà xuất bản Hội nhà văn (Nhà xuất bản lớn nhất Việt Nam) cho đến khi về hưu năm 2020. Ông bắt đầu sáng tác văn học từ năm 19 tuổi, cho đến nay đã xuất bản và công bố 30 đầu sách, trong đó có 8 tiểu thuyết. Nhận 7 giải thưởng văn học. Có nhiều tác phẩm được đưa vào giảng dạy chính thức trong nhà trường phổ thông từ năm 2000.

Tác phẩm của ông được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau, trong đó có tiểu thuyết “Lão Khổ” dịch ra tiếng Pháp và tiếng Anh. Tiểu thuyết “Mối Chúa” (bị cấm lưu hành tại Việt Nam), được xuất bản bằng tiếng Anh tại Mỹ. Cuốn “Sống với Trung Quốc” (không được cấp phép xuất bản tại Việt Nam) được dịch sang tiếng Đài Loan và tiếng Trung Quốc, được xuất bản tại Đài Loan năm 2021. Nhiều truyện ngắn được dịch ra các thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga,

Sống với Trung Quốc (Hâm 中國做厝邊)

Tēⁿ, Tì-têng, Lîm, Bí-soat hoan-ék

Nhiều người lấy nước Nhật ra làm bài học cho Việt Nam trong việc trở thành đồng minh của Mỹ. Có vẻ như họ tìm thấy rất nhiều tương đồng lý thú. Nhưng chưa kể đến sự khác biệt về thể chế, vị trí địa lý, sự lựa chọn con đường phát triển giữa Nhật Bản và Việt Nam, chưa kể đến sự khác biệt trong lịch sử bang giao Nhật-Mỹ so với Việt-Mỹ, thì hoàn cảnh lịch sử thế giới khi Nhật trở thành đồng minh của Mỹ sẽ không tái hiện thêm một lần nữa với Việt Nam. Thế giới của nửa thế kỷ trước là thế giới của những mối liên kết quân sự, phụ thuộc chính trị hơn là liên kết kinh tế, vì cuộc đối đầu ý thức hệ rạch một giới tuyến rõ ràng, bên này lùi thì bên kia tiến. Nó cần sự gắn kết chặt chẽ về mặt nhà nước giữa các quốc gia cùng hệ ý thức. Nhật Bản và sau này cả Hàn Quốc, Đài Loan... có giá trị với Mỹ như những căn cứ quân sự tiền đồn ở châu Á, những trạm trung chuyển hậu cần nếu chiến tranh ý thức hệ xảy ra, hơn là những đối tác thương mại. Còn giờ đây, sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, sau khi Liên Xô và Đông Âu tan rã, nhu cầu hình thành vòng cung bao vây do Hoa Kỳ cầm đầu không còn cấp thiết nữa. Mối quan hệ Mỹ-Nhật, Mỹ-Hàn, Mỹ-Đài Loan... trở thành di sản cuối cùng của chiến tranh lạnh và thực tế là nó cũng đang lỏng dần ra vì những liên kết song phương khác do các bên tiến hành. Người ta từng chứng kiến Hiệp ước Mỹ-Nhật, Mỹ-Hàn nhiều phen gặp sóng gió do vấn đề lợi ích kinh tế-vấn đề mà trước đây bị đẩy xuống hàng thứ yếu. Còn với Đài Loan, số phận của hòn đảo này từng có lúc bị chính nước Mỹ đặt lên bàn cân với Trung Quốc đại lục (sau khi Mỹ hi sinh Việt Nam cộng hòa trong vấn đề Hoàng Sa năm 1974, hy sinh tiếp tính mạng của gần 2 triệu người dân Campuchia cũng đều vì lợi ích với Trung Quốc). Thực tế đó cho thấy

有真 chē 人 kā 日本當作是越南變做是美國盟友 ê 一个例。In kán-ná chhōe tiòh 真 chē 相全 ê 點。但是，in lóng 無講 tiòh 越南 kap 日本 ê 地理位置、體制、發展道路選擇上 ê 無全，日本 kap 美國 koh 有越南 kap 美國之間邦交歷史 ê 差異。Nā án-ne 像日本變做美國盟友 ê 世界歷史環境 kám 會 koh tī 越南出現？半个世紀進前 ê 世界是軍事、政治附屬連結超過經濟連結 ê 世界，因為意識形態 ê 對抗畫出一條真清楚 ê 界線，二 pêng ê 勢力相 giú。需要意識形態相全 ê 國家之間團結做伙、相挺。日本 kap 後來包括韓國、台灣等對美國來講，是意識形態戰爭 nā 發生，會當 chiáⁿ 做亞洲軍事基地 ê 第一線，後壁 ê 中繼站比貿易關係 ê 朋友 koh-khah 有價值。現此時冷戰結束了，東歐 kap 蘇聯瓦解，由美國 chhōa 頭形成包圍圈 ê 需求 koh chiah 有急迫性。美-日、美-韓、美-台灣等之間 ê 關係變做是冷戰上尾 ê 遺產，但是實際上，chia ê 關係 mā 因為 tòi 時代，隨人 teh 進行雙 pêng ê 連結 táuh-táuh-á teh 鬆動、改變。咱 bat 親目矚看美-日、美-韓之間 ê 條約因為經濟利益 ê 問題真 chē pái 受 tiòh 影響，hông sak 做第二層次 ê 問題。Nā 台灣，這塊島嶼 ê 命運 bat hō 美國 kap 中國 khng tiàm 棋盤頂 (tng 美國 1974 年 tī 西沙全島問題頂，犧牲越南共和國，koh 犧牲將近兩百萬柬埔寨人民 ê 性命了，mā 是 lóng ùi-tiòh kap 中國 ê 利益)。這個事實顯示兩個問題：第一，兩個國家之間 ê 全面同盟關係已經無存在。第二，連美國本身

hai điều: Thứ nhất, những mối quan hệ đồng minh toàn diện giữa hai quốc gia không còn hợp thời và thứ hai, chính Hoa Kỳ cũng có lúc không đáng tin! (Có thể giờ đây họ đang nỗ lực để sửa chữa sai lầm mang tính đạo đức này?)

(Trích từ cuốn *Sống với Trung Quốc*)

mā m̄ 是穩當 ê 靠山。 (Hoān-sè chit-má 美國 mā tng-teh 想辦法彌補 這個道德性 ê 錯誤?)

Lâm, Bú-hiàn (Lâm Vũ Hiến)



Lâm Vũ Hiến (Lâm, Bú-hiàn) sinh ngày 3 tháng 9 năm 1944 tại Ngư Thôn, Chương Hóa; tốt nghiệp tại Đại học Sư phạm Gia Nghĩa. Ông từng đảm nhiệm vai trò là Ủy viên Ban thẩm tra biên tập sách giáo khoa tiếng Đài tiếng Hoa, Ủy viên Ban thẩm tra quỹ Văn nghệ Quốc gia, Ủy viên tư vấn giáo dục tiếng Hoa cho Ủy ban Hoa Kiều, hiện là Ủy viên Ban chấp hành của Hội bút Văn Đài. Ông đã sáng tác hơn 60 tác phẩm nổi tiếng, gồm có: Tuyển tập thơ tranh song ngữ Trung Anh “Bầu trời vô tận” (無限的天空) kèm CD; tuyển tập thơ ca tiếng Đài “Vị đời đắng cay ngọt bùi” (鹹酸甜—人生的滋味); Đồng dao tiếng Đài “Mướp, Súp- lơ và Đom đóm” (瓜花菜火金姑) kèm CD, “Tết về chợ đêm Nguyệt Quang” (月光夜市過新年) kèm CD... Ông có hơn 100 tác phẩm được đưa vào Giáo trình âm nhạc và ngữ văn của Đài Loan, Hồng Kông, Singapore và Trung Quốc; cũng có hơn trăm bài thơ ca được dịch sang tiếng Anh, tiếng Nhật và tiếng Hàn, đồng thời được các nhạc sỹ trong và ngoài nước phổ nhạc. Ông được trao giải thưởng ngữ văn, văn nghệ và văn học nhi đồng Trung Hoa. Những cống hiến to lớn của ông được đưa vào biên soạn trong “Từ điển văn học nhi đồng” (兒童文學辭典) và “Từ điển văn học nhi đồng Thế giới” (世界兒童文學事典) của Hàn Quốc.

-Phạm Hải Vân dịch

釣魚
(Câu cá)

Thái Thị Thanh Thủy dịch

魚 á 。真快活 。	Cá. Rất thông dong
Tī 水--lìn 。唱歌 。	Hát dưới nước
Tī 水--lìn 。Bih-sio-chhōe 。	Trốn tìm dưới nước
Tī 水--lìn 。Pûn phok-á 。	Thối bong bóng dưới nước
。 。 。 。 。 。 。
Kā 魚釣--起-來	Câu được cá lên
釣魚 ê 人真歡喜	Người dân câu vui sướng
Ī m̄ 知	Mà họ không biết
水--lìn 有魚 ê 目屎.....	Dưới nước có nước mắt của cá rơi...

Phan Thị Thanh Nhàn (Phoaⁿ Sī, Chheng-êng)



Phoaⁿ Sī Chheng-êng tī 1943 nî 8 goèh 9 hō chhut-sè, sī Hô-lāi, Se-ô (Tây Hồ) kùn, Sù-liân (Tứ Liên) hng ê lâng. I chū sè-hàn tō khai-sí siá-si, 1960 nî-tāi-chhō í-keng ũ si tī pò-chóa téng-koân khan-teng. 1969 nî, i ê “Tiām-chēng ê iū-á-hoe phang” (Hương thơm) si-chok tit-tiòh Bùn-gē-pò si-koa pí-sài ê tē-jī-miâ. I sī Oát-lâm chok-ka hiáp-hōe ê hōe-oân, chiok chē nî tam-jīm Hô-lāi bûn-hák gē-sút liân-háp-hōe ê hù-chú-sék. Tū-

liáu siá-si í-gōa, i koh choān-siá sin-bûn-kó, té-phiⁿ sió-soat, jī-tông kò-sū-chheh. Phoaⁿ--sī Chheng-êng kap Si Jī (Thị Nhị) si-jîn kiat-hun, i ê khan-chhiú tī 1979 nî óng-seng khi, chím-má i kap ũi-it ê cha-bó kiáⁿ tòa tī Hô-lāi. 2007 nî, Phoaⁿ--sī Chheng-êng êng-hék Kok-ka bûn-hák-gē-sút-chióng.

-Chhòa Sī, Chheng-chúí hoan-ék

Goân-bûn Siāu-kài

Phan Thị Thanh Nhàn sinh ngày 9/8/1943 tại Tứ Liên, quận Tây Hồ, Hà Nội. Bà làm thơ từ sớm, đầu những năm 1960 đã có thơ đăng báo. Năm 1969, bài thơ “Hương thơm” của bà đoạt giải nhì cuộc thi thơ của báo Văn nghệ. Bà là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Phó chủ tịch Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Hà Nội nhiều năm. Ngoài làm thơ, bà còn viết báo, truyện ngắn, truyện cho thiếu nhi. Phan Thị Thanh Nhàn kết hôn với nhà thơ Thị Nhị và người bạn đời của bà đã mất năm 1979, hiện bà đang sống cùng con gái duy nhất tại Hà Nội. Phan Thị Thanh Nhàn được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007.

Hương thơm (Tiām-chēng ê iū-á-hoe phang)

Chhòa Sī, Chheng-chúí hoan-ék

Cửa sổ hai nhà cuối phố	Hāng-á-bóe hit nng keng pâng ê thang-á-mng
Không hiểu vì sao không khép bao giờ	M̄-chai ũi siá ⁿ tãi, lóng m̄-bat koai ⁿ --khài
Đôi bạn ngày xưa học chung một lớp	Khah-chá thak kâng pan ê siang-lâng
Cây bưởi sau nhà ngan ngát hương đưa	Chhù âu ê iū-á-chhiū thòa ⁿ bī phang-phang
Giấu một chùm hoa trong chiếc khăn tay	Kā chit chhok hoe chhàng tī chhiú-kin-á
Cô gái ngập ngừng sang nhà hàng xóm	

<p>Bên ấy có người ngày mai ra trận</p> <p>Họ ngồi im không biết nói năng chi</p> <p>Mắt chột tìm nhau rồi lại quay đi</p> <p>Nào ai đã một lần dám nói?...</p> <p>Hương Bưởi thơm cho lòng bối rối</p> <p>Anh không dám xin-cô gái chẳng dám trao</p> <p>Chỉ mùi hương đầm ấm thanh tao</p> <p>Không giấu được, cứ bay dụ nhẹ</p> <p>Cô gái như chùm hoa lặng lẽ</p> <p>Nhờ hương thơm nói hộ tình yêu</p> <p>“Anh vô tình, anh chẳng biết điều tôi đã đến với anh rồi đấy...”</p> <p>Rồi theo từng hơi thở của anh</p> <p>Hương thơm ấy thấm sâu vào lồng ngực</p> <p>Anh lên đường</p> <p>hương sẽ theo đi khắp</p> <p>Họ chia tay, vẫn không nói điều gì</p> <p>Mà hương thầm thơm mãi bước người đi...</p>	<p>Siàu-lú ná tiu-tú ná kiâⁿ khi keh-piah</p> <p>Hia ũ chit ê lêng keh-kang ài chiũⁿ chiàn-tiũⁿ</p> <p>In tiām-tiām chē leh, m̄-chai beh kóng siáⁿ</p> <p>Siũⁿ beh khòaⁿ tui-hong, koh hiông-hiông oát-thâu</p> <p>Bô lêng beh seng khui-chhùi...</p> <p>Iũ-á-hoe ê phang-bī hō i sim khah cho</p> <p>Cha-pơ--ê m̄-káⁿ kiũ, cha-bó--ê m̄-káⁿ sàng</p> <p>Kan-taⁿ iũ-á-hoe ê chheng-phang</p> <p>Tòng-bē-tiâu, it-tit teh thòaⁿ</p> <p>Siàu-lú ká-ná he tiām-chēng ê hoe</p> <p>Ńg-bāng phang-bī thè i soeh ài ì</p> <p>“Lí thái ē bô-chēng, m̄-chai lêng sim-ì</p> <p>Lêng í-keng lâi kàu lí sin-piⁿ”.....</p> <p>Chũ-án-ne tòi lí ták pái ê chhoán-khùi</p> <p>Phang-bī thàng jip-khì sim-koaⁿ-íⁿ</p> <p>Lí chiũⁿ-lō</p> <p>Hoe-phang beh kun-tòe--lí</p> <p>In hun--khui, iu-oàn tiām-tiām</p> <p>Tiām-chēng ê iũ-á-hoe phang tĩⁿ-tòi chiũⁿ chiàn-tiũⁿ ê kha-pō-siaⁿ...</p>
---	---

Tân, Kim-hoa (Trần Kim Hoa)



Bà Trần Kim Hoa (Tân, Kim-hoa) sinh năm 1959, tốt nghiệp Thạc sĩ khoa Văn học Đài Loan trường Đại học Sư phạm Cao Hùng, hiện nay đang dạy tiếng Đài ở tất cả các cấp của nhiều trường học, đồng thời đảm nhiệm chức vụ thư ký trưởng của Hiệp hội chữ La-tinh Đài Loan.

Sau khi tham gia phong trào văn hóa ngôn ngữ Đài Loan, bà thấm thía sâu sắc tầm quan trọng của chữ viết, bởi lẽ cầm bút viết chữ Đài Loan là thực hiện khẩu hiệu “tay tôi viết những gì miệng tôi nói”. Trong tương lai bà sẽ tiếp tục kiên trì viết và sáng tác bằng chữ Đài Loan, phát triển và mở rộng con đường của chữ viết Đài Loan.

-Thái Thị Thanh Thủy dịch

228 Tōa Tō-sat (Cuộc đại thảm sát 28/2)

Thái Thị Thanh Thủy dịch

Lâng miā tōa tō-sat	Sinh mạng đại thảm sát
Lâu-hoeh lâu-tih lâng hām-oan sí--khi.	Đổ máu cùng hàm oan mà chết
Ka-siòk ai-siong chhám-thia ⁿ , 70 gōa nī lâi m̄-bat tng.	Gia đình đau buồn, thân tộc tang thương, hơn 70 năm qua chưa từng có
Kong-pê ⁿ chêng-gī bô pêng-hoán.	Công bằng chính nghĩa không được minh oan không đền bù xứng đáng
Chhòng ké-ia ⁿ ê hô-pêng kì-liām-jit teh an-tah?	Dựng lên giả tạo hòa bình ngày kỷ niệm chỉ là để xoa dịu, làm màu
Góa m̄ kan-hiu Góa m̄ kam-goān	Tôi không từ bỏ tôi không cam tâm
Chiap-sòa	Rồi tiếp theo, rồi không ngừng
Gí-giân tōa tō-sat	Ngôn ngữ đại thảm sát
Lâng ê lêng-hún bô--khi Pí lâu-hoeh koh-khah chhi-chhám.	Người mất đi linh hồn còn thê thảm hơn cả đổ máu
Gōa-lâi thóng-tī-chiá chêng-chhek ná béng-hó chân-khok pek-hāi	Kẻ thống trị ngoại lai chính sách như mảnh hổ đầy áp bức tàn khốc

<p>Kiông òaⁿ lán-ê chih kiông biát lán-ê giân-gí kiông toát lán-ê lêng- hûn</p>	<p>Quyết lòng thay đầu lưỡi của chúng ta quyết lòng tiêu diệt ngôn ngữ của chúng ta quyết lòng cướp đoạt linh hồn của chúng ta</p>
<p>Góa m̄ kan-hiu Góa m̄ kam-goãn</p>	<p>Tôi không từ bỏ tôi không cam tâm</p>
<p>Bûn-hòa tōa tō-sat</p>	<p>Văn hóa đại thảm sát</p>
<p>Kè-tát koan chhò-loãn--khi chòk- kûn soah phah bô--khi</p>	<p>Giá trị quan đã hỗn loạn dân tộc đã không còn</p>
<p>Poe-té m̄-thang chhī kim-hī tō chhiūⁿ iáu-bōe soah</p>	<p>“Đáy ly không được nuôi cá vàng” bài hát chưa hát xong</p>
<p>To-chhiūⁿ kiàm-iaⁿ koh sàu-siā</p>	<p>Luồng dao ánh kiếm, không ngừng bắn giết, tiếp tục càn quét</p>
<p>Góa m̄ kan-hiu Góa m̄ kam-goãn</p>	<p>Tôi không từ bỏ tôi không cam tâm</p>
<p>Chòk-kûn ê lêng-hûn tōa tō-sat</p>	<p>Linh hồn dân tộc đại thảm sát</p>
<p>Un-sûn ê iūⁿ-á tú-tiòh kan-chà ê iá- lông khah-chē mā bô-kàu sí</p>	<p>Con cừu hiền lành gặp phải loài sói nham hiểm gian trá cừu nhiều đến mấy cũng không đủ nộ mạng</p>
<p>Piàn-thài ê hiau-pai, kàu-taⁿ iáu-teh chhang-chhiu</p>	<p>Chúng biến thái, hung hăng, ngạo mạn cho đến tận hôm nay</p>
<p>Bô bûn-hòa té-tì ê chòk-kûn, kan-taⁿ chhun nóg-chiáⁿ ê lêng-hûn</p>	<p>Khi dân tộc không có văn hóa làm gốc thì chỉ còn lại một linh hồn yếu ớt</p>
<p>Ná chhiūⁿ bô-nāi ê ka-lé ang-á</p>	<p>Chỉ giống như một con rối bất đắc dĩ, bất lực mà thôi</p>
<p>Góa m̄ kan-hiu Góa m̄ kam-goãn</p>	<p>Tôi không từ bỏ tôi không cam tâm</p>
<p>Lán ài kā chòk-kûn ê lêng-hûn kiù-- tng-lâi</p>	<p>Chúng ta phải giải cứu tìm lại linh hồn của dân tộc</p>
<p>Lán ài kā chòk-kûn bûn-hòa kiù--tng- lâi</p>	<p>Chúng ta phải giải cứu tìm lại văn hóa của dân tộc</p>
<p>Lán ài kā chòk-kûn ê bó-gí kiù--tng- lâi</p>	<p>Chúng ta phải giải cứu tìm lại tiếng mẹ đẻ của dân tộc</p>
<p>2024.02.16</p>	<p>16.02.2024</p>

Văn Công Hùng (Bùn, Kong-hiông)



Bùn Kong-hiông 1958 nī tī Oát-lâm Chheng-hòa (Thanh Hóa) séng chhut-sè, chèk-koàn tī Sūn-hòa Sêng-thian (Thừa Thiên-Huế) séng, chím-má tī Ka-lâi Pleiku (Gia Lai) séng seng-oáh kap siá-chok, í-keng chhut-pán 16 pún chu-chheh, goân-pún sī Oát-lâm chok-ka hiáp-hōe chip-hêng úi-oân-hōe ê úi-oân, “Ka-lâi Bùn-gē” chấp-chì ê goân-chóng phian-chhip. Bùn Kong-hiông ê si-bùn ũ sī-chūn sị-chàng chhō-chhiang, ũ sī-chūn bông-jiân kī-biâu. Thák i ê si tiāⁿ-tiāⁿ ká-ná ũ chit-kóa-á pi-siong, m̄-koh m̄-sī pi-koan--ê. I si-koa ê chiat-chàu pēng-bô hah-thiaⁿ, sūn-liú, tian-tò tiāⁿ-tiāⁿ khó-siap, khám-khiat, bē-su thiau-kang chhòng-chō-chhut sin ê piáu-tát hong-sek hām sin ê si-ì hêng-siōng.

-Chhòa Sī, Chheng-chúi hoan-ék

Goân-bùn Siâu-kài

Văn Công Hùng, sinh năm 1958 tại Thanh Hóa, quê ở Thừa Thiên-Huế, hiện sống tại thành phố Pleiku, Gia Lai; đã xuất bản 16 đầu sách; nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Văn nghệ Gia Lai. Thơ Văn Công Hùng lúc vạm vỡ xù xì, lúc băng khuâng đến lạ. Đọc thơ ông luôn thấy phảng phất một nỗi buồn nhưng không bi quan. Nhịp trong thơ ông không du dương, thuận âm mà thường gập ghềnh, trúc trắc như một chủ ý để tạo ra cách diễn đạt mới và những thi ảnh mới.

Ở hầm rượu KAVALAN (Tī KAVALAN ê chiú-khut)

Chhòa Sī, Chheng-chúi hoan-ék

Lúc buồn nhất con người làm ra rượu đôi khi uống vào lại càng buồn hơn	Siōng pi-siong ê sī-chūn lāng gô-chiú Ū sī-chūn līm lóh-âu koh kèng-ka iu-chhiū
Lúc yêu cuộc sống nhất con người chế ra bom để bảo vệ mình nhưng có lúc bom giết người hàng loạt	Siōng jiát-ài seng-oáh ê sī-chūn lāng chè-chō-chhut chà-tôa ⁿ ũi-tiòh pó-hō ka-kī m̄-koh ũ sī-chūn chà-tôa ⁿ ē thài chit phe koh chit phe ê lāng

<p>Khi cô đơn nhất thượng đế ban cho tình yêu nhưng có phải tình yêu nào cũng làm con người hạnh phúc</p> <p>Chiều nay thăm hầm rượu Kavalan thấy những quả bom đựng rượu đôi tình nhân nắm tay nhau đi như say không một giọt rượu nào được chiết ra chỉ đôi mắt rục lên như Whisky đủ độ</p> <p><i>Chiều 28/5/2016</i></p>	<p>Siōng ko-toaⁿ ê sî-chūn siōng-tè pan-hoat hō lāng ài-chêng tān-sī m̄-sī tó-chit-ê ài-chêng lóng hō lāng piàn hēng-hok</p> <p>Kin-á-jit e-pơ chham-koan KAVALAN chiú- khut Khòaⁿ-tiòh chiú té tī chē-chē chà-tôaⁿ lāi-té Nng ê ài-jîn chhiú khan chhiú sà-pō kán-ná chùi Bô chit tih chiú hō tò chhut--lāi Chí ũ siang lúi bák-chiu chhin-chhiūⁿ Whisky chiok kàu tō</p> <p><i>2016/5/28 e-pơ</i></p>
--	---

Chiúⁿ, Jit-êng (Tưởng Nhật Doanh)



Tưởng Nhật Doanh (Chiúⁿ, Jit-êng) ,sinh năm 1950 tại làng Từ Quan Cao Hùng, lớn lên trong gia đình có truyền thống làm nông. Sau khi giải ngũ, ông nhận thức được rằng bản thân phải hiểu rõ về văn hóa và lịch sử Đài Loan, phải đọc sách viết bằng tiếng Đài. Và chính vì điều này, ông đã phát hiện ra rằng dùng chữ Hán không thể nào viết tốt được tiếng Đài Loan, vì vậy,

sau khi nghỉ hưu tại công ty điện lực Hoa Thái, ông đã tập trung tinh thần để thúc đẩy phát triển chữ La tinh.

-Phạm Ngọc Thúy Vi dịch

雞母蟲 (Con Sùng đất¹)

Lù Việt Hùng dịch

千萬冬來	Hàng chục triệu năm nay
有土地 ê 保護	Có đất mẹ che chở
軟 sìm-sìm ê 雞母蟲	Con sùng đất mềm yếu
無人會來傷害	Chẳng ai làm hại đến
無-煩-無-惱	Chẳng buồn cũng chẳng phiền
安心 a 大漢	Đời đời qua kiếp kiếp
Án-ne	Mấy nghìn, mấy vạn năm
一代一代	Vẫn trải qua như vậy
一代一代	
Án-ne 過--khì	Ngày nọ
幾千冬幾萬冬	Vô tình

¹ Con sùng đất là ấu trùng của bọ cánh cứng, toàn thân mềm, chỉ có miệng cứng, gà rất thích ăn, ngay cả những con kiến bé cũng kéo đến khiêng về.

Án-ne 過--khì	Đất bị bới tung
Hit 工	Ánh sáng chói mắt chiếu xuống
土地 hiông-hiông hông póa 開	Người đời bảo trời sáng
刺目 ê 光線	Biết đâu là tai ương
刺目 ê 光線照--lòh	Đất mẹ nay không che nổi
Ah---	Lương thiện nào thấy phúc báo
講是天光	Người đời bảo trời sáng
卻是災難	Ngờ đâu kéo đến rặt ác điều, bọ sâu
土地 無法度 koh 保護伊	Thân sùng thành thức ăn
善良 mā 無得著友善回報	Chim đến ăn
講是天光	Gà đến ăn
卻是災難	Đến ngay kiến bé tí
顛倒引來鳥虫	Cũng kéo nhau lại
身軀變 in ê chiáh 物	Chục triệu năm nay
鳥 á 來	Con sùng đất mềm yếu
雞 á 來	Không muốn làm hại ai
連小小 ê	Cũng chưa từng hại ai
蚶蟻 mā 來	Nay
千萬冬來	Bị coi là thức ăn
軟 sìm-sìm ê 雞母蟲	Chim đến ăn
無 beh 害--lâng	Gà đến ăn
Mā m̄-bat 害過人	Đến ngay kiến bé tí
因爲善良	Cũng kéo nhau lại
Chit-má	Mau lớn nhanh đi
Lâng soah kā 看做好 chiáh 物	Hồi sùng đất
鳥 á 來	

雞 á 來	Mau thành bọ cánh cứng ²
連小小 ê	Khoác vỏ cứng của người
蚶蟻 mā 來	Ôm chặt lấy thân mình
	Sâu bọ không hại được
Kín 大漢 ah	
雞母蟲	Mau lớn nhanh đi
緊變做牛屎龜 (獨角仙)	Hỡi sùng đất
生出你 ê tēng 殼	Mau thành bọ cánh cứng
Kā 身 khu khàm hō tiâu	Đội những chiếc sùng nhọn
予鳥蟲 bē-tàng koh 傷害你	Mài cho thật sắc
	Chống chọi với kẻ thù
Kín 大漢 ah	
雞母蟲	
緊變做牛屎龜 (獨角仙)	
生出你 ê 尖角	
磨 hō 利利	
面對 beh 欺負你 ê 人	
2018.04.25	
註：雞母蟲是獨角仙 ê 蟲团，kui 身 khu 肥軟肥軟，kan-ta ⁿ 喙是 tēng--ê，雞 á 真愛食，連小伊 kui 百倍 ê 蚶蟻 mā 會來扛。大 hàn tō 是獨角仙，獨角仙常在會佇牛屎 pū 下跔 chhèng-èng (鑽空)，所以 mā hông 叫做牛屎龜。若看 tiòh 小伊 kui 百倍 ê 蚶蟻，扛伊軟 sìm-sìm ê 身 khu，tō 想 tiòh 台灣人。	

² Con bọ cánh cứng thường đục lỗ từ dưới phân trâu bò khô, vậy nên người đời thường gọi là rùa cắt trâu (con bọ hung)

Nguyễn Ngọc Tư (Ńg, Giok-su)



Ńg Giok-su chok-ka, 1976 nŃ chhut-sè, chŃm-má tŃ Oát-lâm Kim-au (Cà Mau) séng seng-oáh kap siá-chok. I sŃ Oát-lâm chok-ka hiáp-hōe ê hōe-oân, bat tit-tiòh iú Litprom (tŃ Tek-kok ê La-teng Bí-chiu, Hui-chiu, A-chiu bŃn-hák thui-kóng hiáp-hōe) kun-kù cha-khòanⁿ khu-hék lai-té tãi-piáu tong-tãi lú-sèng chok-chiá ê iu-siù chok-phín ê Tek-kok hoan-ék-pán lai phêng-soán-chhut 2018 nŃ Liberaturpreis lú-sèng ê bŃn-hák-chióng.

Chia chióng-hāng ták-nŃ lóng ũ pan-hoat, ũi-tiòh piáu-chiong lai chŃ A-chiu, Hui-chiu, La-teng Bí-chiu, A-lá-peh Liân-háp Tãi-kong-kok(UAE) í-kip Caribbean khu-hék ê lú-sèng chok-chiá. I ê chok-phín ũ chhiau-kòe 20 pún chu-chheh, pau-hâm sán-bŃn kap si-koa, kŃ-tiong “Bô chŃn-pōng ê chhân-iá” (Cánh đồng bất tận) sŃ siōng thóng-chhut--ê. Chit ê kò-sŃ-chip iá tŃ 2006 nŃ tit-tiòh Oát-lâm chok-ka hiáp-hōe-chióng, 2008 nŃ tit-tiòh ASEAN chióng-hāng, káng-miá ê té-phiⁿ sió-soat tŃ 2010 nŃ í-keng kái-pian chò tiān-iáⁿ.

-Chhòa SŃ, Chheng-chúi hoan-ék

Goân-bŃn Siāu-kài

Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư, sinh năm 1976, hiện sống và viết tại Cà Mau. Bà là hội viên của Hội nhà văn Việt Nam. Bà từng được trao Giải thưởng Văn học Liberaturpreis 2018 do Litprom (Hiệp hội quảng bá văn học châu Á, châu Phi, Mỹ Latin ở Đức) bình chọn, dựa trên việc xem xét các bản dịch tiếng Đức tác phẩm nổi bật của các tác giả nữ đương đại tiêu biểu trong khu vực. Giải thưởng được trao hàng năm nhằm vinh danh các tác giả nữ đến từ châu Á, Phi, Mỹ Latin, Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) và vùng Caribe. Với trên 20 tập sách cả văn xuôi và thơ, nổi bật trong số đó là “Cánh đồng bất tận”. Tập truyện cũng nhận giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam năm 2006, giải Asean năm 2008 và truyện ngắn cùng tên đã được chuyển thể thành phim điện ảnh năm 2010.

Căn cước (Sin-hŃn-chèng)

Chhòa SŃ, Chheng-chúi hoan-ék

nguyên quán: phù sa	goân-chék: pui-thô
mẹ giấu cuống rốn dưới chân cây đước	a-bú ká tō-chai chhang tŃ âng-chhiū-nâ ē-kha
giọt nước mắt đầu tiên phát sáng dưới trăng	tē-it tih bák-sái tŃ goeh-niū ē-bŃn hoat-kng

nước tràn bờ sau tiếng khóc	khàu-sia ⁿ pōe-āu chúí bān--kòe hô-hōa ⁿ
đưa trẻ lên ba cời que lên mặt sông gọi những ngôi sao thấp lên	sa ⁿ hòe ê gín-á tī hô-pi ⁿ thio kùn-á hui-huah thi ⁿ - chhe ⁿ hō tòh-khí-lâi
thuộc làu quyền năng của mình	tò-thâu-liām ka-tī ê koân-lêng
biết gửi cười vào sông cho cái cười bội phần lấp lánh	chai-iá kià chhiò-iông hō hô-liú hō chhiò-iông kèng-ka chhàn-lān siám-sih
gửi sông lời thì thầm, đến biển còn vang	kià hō hô-liú thau-thau-á-ōe, lian hái iā siu-- tiòh hōe-hiáng
trồng một cây cam, trái mận	chèng chit châng liú-teng, kó-sit kiâm kiâm
cấy một dây trầu, lá mận	chhah chit ki pin-âng hiòh-á kiâm kiâm
mặn hạt chữ đầu đời gieo lên giấy trắng	jîn-seng tē-it ê bûn-jī-chéng kiâm kiâm iā tī pèh- sek ê chóa-tiu ⁿ téng
chỉ nước mắt ngọt lừ	chí-ū bák-sái ti ⁿ -but-but
kết thành từ bao tinh thể muối	tùi chiok chē iâm ê cheng-thé kiat-sêng
đưa trẻ miền sông	hô-pi ⁿ ê gín-á
lăn hoa tay lên bùn	tī nōa-thō téng-bīn liàn--khí ka-tī chhiú-le
cắm bộ rẽ vào phù sa thao thiết	chiong chhiū-kin sim-sek--ê chhah tī pui-thō lāi- té

Tân, Tek-bîn (Trần Đức Dân)



Trần Đức Dân, là một người sáng tạo, một nhạc sĩ, nghệ danh Tek-káu, có kênh Youtube của riêng mình với tên “Tek Káu Improvisation”, hiện sống ở Gia Định, Cao Hùng. Tôi đều tự mình sáng tác, viết nhạc, viết lời, one man band, một mình biểu diễn. Sáng tác thơ hay nhạc, viết hay đàn tôi đều dùng tiếng Đài, với tôi, tiếng Đài là suối nguồn vô tận của cảm hứng.

Từng đạt:

Giải nhì giải “Văn học Tá-káu về thơ tiếng Đài” năm 2021 với tác phẩm “Chí khí loài cò đại”

Top 12 tác phẩm trong album Southmusic Taiwanese songs năm 2022 với tác phẩm “Không tự nguyện ngồi chờ chết”

Giải nhì cuộc thi “Thơ tiếng Đài Nhà thơ, công tố viên Vương Dục Lâm” năm 2023 với tác phẩm “Sứ mệnh của chúng ta”

Top 6 tài trợ “Sáng tác văn học thành phố Cao Hùng” năm 2023 với tác phẩm “Biển Gia Định quê tôi”

Giải bình chọn cuộc thi “Thơ tiếng Đài Nhà thơ, công tố viên Vương Dục Lâm” năm 2024 với tác phẩm “Làn sóng của tự do”

Dòng máu Lạc Hồng (Lòh (Lòk) Hông ê hiat-thóng)

Sáng tác: Lê Quang (Chok-chiá: Lê Kng)

Tân, Tek-bîn hoan-ék

Dòng máu Lạc Hồng	bốn nghìn năm	Lòh (Lòk) Hông ê hiat-thóng	sì-chhian nî
Dòng máu đỏ tươi	chảy trong tim mình.	Chheng-âng ê hiat-thóng	tī gún ê sim-tiong lâu--ê
Nòi giống Lạc Hồng	giống Rồng Tiên	Lòh (Lòk) Hông ê hō-è	liông-sian ê hō-è
Nguyện ôm bao đời đất mẹ.		Goãn sè-sè	tāi-tāi sio-lám (sa ⁿ -phō) bú-kok
Nhịp trống hào hùng	mãi còn vang	Hô-hiông ê kớ-sia ⁿ	éng-oán iû-oân (chiàu-
Bao lớp người đi	ra nơi biên thùy.		

Hình bóng mẹ già đứng đợi con	goân) hiáng-liāng
Tạc vào sử sách hào hùng.	Jōa-chē sè-tāi-lāng khi kàu pian-kéng
Việt Nam ơi	Bó-chhin ê hêng-íá ⁿ khiā--leh tán gín-ná (kiá ⁿ)
Yêu mến ngàn đời	Bêng-khek tī hô-hiông ê sú-chheh siōng
Yêu lũy tre xanh	
Có con sông chảy quanh.	Oát-lâm ah! Ài lí ài liáu kúi bān nī
	Ài chhe ⁿ -chhùi ê tek-pô ũ chit tiêu oan- khiau (oan-khiok) ê hô-liû
Nào (let's) ta hát	Lán chò-hóe lâi chhiù ⁿ chhiù ⁿ Loh (Lók)
Khúc hát Lạc Hồng	Hông ê
Làm muôn cánh chim	koa-khek
Bay rợp biển Đông.	Chiâ ⁿ -chò chhian-bān ê chiáu-á-sit
	poe-oát jia-khàm (jia ng) Tang-hái
Việt Nam ơi	
Hãy (let's) nắm chặt tay	Oát-lâm ah! chhiú tê ⁿ -ân chhiú ho ⁿ !
Tiến bước đi lên Viết thêm trang sử vàng	Phah-pià ⁿ mǎi-hiông chiong-lâi kè-siòk siá lèk-sú iáh
	Lán chò-hóe lâi chhiù ⁿ chhiù ⁿ Oát-lâm ê
Nào ta hát	koa-
Khúc hát Việt Nam	khek
Con cháu Rồng Tiên	Liông-sian ê kiá ⁿ -sun Loh (Lók) Hong ê
Con cháu Lạc Hồng	kiá ⁿ -
Tự hào hai tiếng Việt Nam.	sun
	Chū-hô (kiau-ngō) Oát-lâm nng jī
	-Tek-kàu hoan-ék

Kiều Thị Bích Hậu (Kiâu Sī, Phek-hiō)



Kiâu Sī Phek-hiō chok-ka, kì-chiá 1972 nî tī Oát-lâm Hèng-an (Hưng Yên) séng chhut-sè. Eng-bûn hák-sū hák-ūi. I sī Oát-lâm chok-ka hiáp-hōe ê hōe-oân, NEUMA bûn-hòa chấp-chì kap Humanity (Lō-se-a) bûn-hák chấp-chì ê phian-chhip, chù Oát-lâm Canada ê Ukiyoto chhut-pán-siā ê tãi-siá. I sī chhòng-lip-chiá, kăng-sī sī HFT(Hô-lâi lú-seng hoan-ék sió-chơ , koh hō-chòe Hông-hâ (Hồng Hà) lú-sū sió-chơ) ê chơ-tiúⁿ.

Kiâu--sī Phek-hiō tī 80 nî-tâi iáu-sī kok-tiong hák-seng ê sī-chūn, í jī-tông té-phiⁿ sió-soat khai-sí bûn hák sū-giáp. Tián-hêng ê lē sī tī “Siâu-liân sian-hong pò” téng-bīn khan-teng liân-chài kờ-sū “Hit chō soaⁿ-chiu ũ kúi” (Đồi ấy có ma), khíp-ín liáu chiáⁿ chē siâu-liân thók-chiá. Chiáⁿ-chò Hô-lâi Gōa-gí su-hoân tãi-hák ê tãi-hák-seng ê sī, i í-keng í “Bí-lú ê thoân-soat” (Huyền thoại về người đẹp) tit-tiòh “Sian-hong pò” 1992 nî Chheng-liân chok-phín tē it kái ê bûn-hák-chióng. Ủi 2007 nî khai-sí, í “Tán tō-chūn” (Đội đò) ê chok-phín tit-tiòh Bûn-gē-pò kí-pán ê té-phiⁿ sió-soat tē-jī-miá í-āu, tng Kiâu--sī Phek-hiō tat--tiòh tian-hong ê sī-chūn, i liân-sòa chhut-pán 22 pún chu-chheh, kī-tiong tãi-pō-hūn sī té-phiⁿ sió-soat-chip, 5 pún sió-soat, 1 pún siang-gí-si, Eng-gí kap Ì-gí (tī Ì-tâi-lī chhut-pán), 1 pún sànbûn-chip, 1 pún Eng-gí si-chip, 1 pún Eng-gí sànbûn, 1 pún hoan-ék sió-soat. Siōng sin tō-sī si-jīn í-keng chhut-pán “Hô-hoe tōa-khui sī” (Khi sen bùng nở) ê si-chip, kī-tiong pau-koat 100 siú si iōng Romania gí-giân chhut-pán, 2023 nî tī Romania ê Neuma chhut-pán-siā chhut-pán í-kip Eng-gí si-chip “Two moons” 2023 nî tī Bí-kok chhut-pán. Kiâu--sī Phek-hiō hơ-lâng jīn-ūi sī chit ũi ũi lōng-bân, tók-hêng, iu-bék ê hong-keh ê lú-sèng chok-ka chi-it. I iā-sī chit ũi thàu-kòe chē kái kok-lâi-gōa sit-chè khó-chhat thê-chhut sin ê, pau-koat kóng-hoàn ê chú-tê ê lú-sèng chok-ka, tang-sī iā-sī Oát-lâm chiok hán-tit ē-tàng iōng siang-gí siá-chok ê chok-ka chi-it.

-Chhòa Sī, Chheng-chúí hoan-ék

Goân-bûn Siâu-kài

Nhà văn, nhà báo Kiều Bích Hậu sinh năm 1972 tại tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Cử nhân tiếng Anh. Bà là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Biên tập viên Tạp chí văn hóa NEUMA, Biên tập viên Tạp chí văn học Humanity (Nga), Đại sứ Nhà xuất bản Ukiyoto của Canada tại Việt Nam. Bà là Nhà sáng lập, đồng thời là Trưởng nhóm HFT (Nhóm Nữ dịch giả Hà Nội, hay còn gọi là Nhóm Hồng Hà nữ sĩ.

Kiều Bích Hậu bắt đầu sự nghiệp văn chương bằng những truyện ngắn viết cho thiếu nhi

từ thập niên 80 khi còn là học sinh bậc Trung học cơ sở. Điển hình là truyện nhiều kỳ “Đồi ấy có ma”, đăng trên báo Thiếu niên tiền phong, thu hút rất nhiều bạn đọc trẻ. Khi trở thành sinh viên trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội, chị đã đoạt Giải thưởng văn học đầu tiên Tác phẩm tuổi xanh năm 1992 của báo Tiền Phong với “Huyền thoại về người đẹp”. Kể từ năm 2007, sau giải Nhì cuộc thi truyện ngắn do báo Văn Nghệ tổ chức với tác phẩm “Đợi đờ”, Kiều Bích Hậu đạt đến thời kỳ đỉnh cao khi xuất bản liên tiếp 22 tựa sách, hầu hết là các tập truyện ngắn, 5 cuốn tiểu thuyết, 1 tập thơ song ngữ Anh - Ý (xuất bản tại Ý), 1 tập tản văn, 1 tập thơ tiếng Anh, 1 tập truyện ngắn tiếng Anh, 1 tập truyện dịch. Mới nhất là nhà thơ cho xuất bản tập thơ “Khi sen bùng nổ” gồm 100 bài thơ xuất bản bằng tiếng Romania, tại Romania năm 2023, NXB Neuma và Tập thơ tiếng Anh “Two moons” xuất bản ở Mỹ năm 2023... Kiều Bích Hậu được đánh giá là một trong những cây bút nữ có phong cách lãng mạn, sâu cay, hóm hỉnh. Chị cũng là cây bút nữ thể hiện những đề tài mới mẻ, bao quát rộng do đi thực tế nhiều ở trong nước và quốc tế; đồng thời là một trong số rất hiếm nhà văn Việt Nam có thể sáng tác song ngữ.

Bài ca sông Hồng (Âng-hô ê koa-khek)

Chhòa Sī, Chheng-chúi hoan-ék

Họ là những người lính	In sī kun-jîn
Họ là những thi nhân	In sī si-jîn
Họ hát ca trong rừng	In tī chhiū-nâ lâi chhiū ⁿ -koa
Nước mắt họ rơi thấm thân thể đồng đội hy sinh sau trận chiến	In bák-sái lâu-lòh--lâi phah-tâm chiàn-tiū ⁿ hi-seng chiàn-iú ê si-thé
Hơn cả cái chết	Pí sí-bông koh-khah tiōng-iàu
Hơn cả sự sống	Pí sè ⁿ -miā koh-khah tiōng-iàu
Hơn cả chiến tranh	Pí chiàn-cheng koh-khah tiōng-iàu
Họ thức dậy nguồn thơ đất Việt	In hoàn-chhé ⁿ Oát-lâm thớ-tê si-koa ê chhōa ⁿ -goân
Một trời Nam bất diệt hát ca	Chit ê Oát-lâm éng-súi-put-hiú ê koa-sia ⁿ
Và hôm nay bên dòng Hồng Hà ngẫu đờ sóng	Jī-chhiá ⁿ kin-á-jit tī Âng-hô pi ⁿ ê lô-chúi-éng
Chúng ta hòa ca bài hát vì Người!	Lán chò-hóe ũi-tiòh I chhiū ⁿ -koa

Chiúⁿ, Ūi-bûn (Tường Vi Văn)



Tường Vi Văn (Chiúⁿ, Ūi-bûn) là người Cương Sơn, thành phố Cao Hùng, hiện nay sống tại Đài Nam. Tốt nghiệp tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học, Đại học Texas phân viện Arlington Mỹ ([University of Texas at Arlington](http://www.utexas.edu)). Hiện nay, là giáo sư Khoa Văn học Đài Loan, Đại học Thành Công, cũng là chủ nhiệm hai trung tâm, gồm: Trung tâm Trắc nghiệm năng lực tiếng Đài (NCKU Center for Languages Testing) và Trung tâm nghiên cứu Việt Nam (NCKU Center for

Vietnamese Studies). Đồng thời kiêm nhiệm Chủ tịch Hiệp hội chữ La-tinh Đài Loan (Taiwanese Romanization Association), Tổng Thư kí Hội Bút Ngữ văn Đài Loan (Taiwanese Pen), Ủy viên thường vụ Ban chấp hành Hiệp hội Văn hoá Việt Đài (Association for Taiwanese and Vietnamese Cultural Exchange). Thời sinh viên, ông thành lập Câu lạc bộ Ngữ Văn Đài Loan và tham gia các phong trào vận động cho bản sắc văn hóa Đài Loan. Trong thời gian du học tại Mỹ, ông tích cực tham gia các tổ chức như Hội sinh viên Đài Loan và Hội Đồng hương Đài Loan. Ông nghiên cứu nhiều lĩnh vực, như: Văn học tiếng Đài Loan, Ngôn ngữ xã hội học, so sánh văn học được sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ của Đài Loan và Việt Nam. Và có nhiều sáng tác, như: “Tập Ngữ văn Đài Hải Ông” (海翁台語文集) (1996, Nhà xuất bản Thái Lạp), các sách nghiên cứu chuyên đề, gồm: “Lịch sử và Ngôn ngữ Đài Loan” (海洋台灣：歷史與語言) (2004, in bản song ngữ Việt Anh, nhà xuất bản Đại học Thành Công), “Ngôn ngữ, ý thức dân tộc và phi thực dân hóa” (語言、認同與去殖民) (2005, Nhà xuất bản Đại học Thành Công), “Ngôn ngữ, văn học và sự tái tưởng tượng về quốc gia Đài Loan” (語言、文學 kap 台灣國家再想像) (2007, Nhà xuất bản Đại học Thành Công), “Dân tộc, tiếng mẹ đẻ và văn tự ký âm” (民族、母語 kap 音素文字) (2011, Nhà xuất bản Đại học Thành Công), “Miệng nói tiếng Đài, tay viết chữ Đài” (喙講台語、手寫台文) (2014, Nhà xuất bản Asian A-Tsiu International). Địa chỉ website cá nhân: <http://uibun.twl.ncku.edu.tw>

-Nguyễn Thị Linh dịch

Pèh-sek Áo Dài³
(Áo dài trắng)

Lù Việt Hùng dịch

Hng-hng Tang-lâm-a Hái hia, Ū chē chē ê iâ-chí-chhiū, Hoa ⁿ -hí iát-chhiú, Ngiâ-chiap un-loán ê lâm-hong hām lâng-kheh. Iâ-chí-chhiū-nâ lìn ê thô-kak-chhù, Ū 1 ê siàu-lú. I ùi bîn-chhng-thâu, Kā pèh-sek áo dài thèh--chhut-lâi, Sàng hō hng-hng Formosa lâi ê ang-sài. Áo dài sī siàu-lú ê sin-niū-sa ⁿ , Mā sī siàu-lú ê kī-thāi hām òng-bāng. Ài bô hun hó-giáh iáh sà-n-chhiah, Ài bē khi-hiām mā bē hoán-pōe, Ài sī tók-lip, sìn-jīm koh sa ⁿ -hū-chhi. Lí góa nā ū chēng-ì, Lán tiòh tâng-chê, Tī tah-bū ê hái-kī ⁿ , Khan-chhiú khí-chō teng-thah,	Nơi vùng biển Đông Nam Á xa xôi, Dừa mọc thành rừng, Đang mừng rỡ nắm chặt tay, Nồng nhiệt chào đón những vị khách theo gió phương Nam đến. Trong rừng dừa có ngôi nhà đất, Một người thiếu nữ, Lấy từ đầu giường, Bộ áo dài màu trắng, Tặng cho người chồng đến từ vùng đất Formosa xa xôi. Áo dài thiếu nữ thành áo cưới, Như mơ ước, mong chờ. Yêu không phân biệt giàu nghèo, Yêu không chê trách hay phản bội, Yêu là độc lập, tin tưởng và nâng đỡ nhau. Đôi ta nếu có tình ý, Hãy đến với nhau, Bên bờ biển đầy sương,
---	---

³ “Áo dài” (hoat-im lūi-sū Tâi-gí ê “au-chài”) sī Oát-lâm lú-seng ê thoân-thóng saⁿ-khò, mā sī kok-hók.

<p>Hō Tâi-oân kàu Oát-lâm ê phâng-lō lóng chiâu kng.</p> <p>Lí góa nā ũ ì-ài,</p> <p>Lán tiòh kâng-sim,</p> <p>Tī Lâm-kok san-hô,</p> <p>Hiáng-siū chū-iû ê chu-bī,</p> <p>Khí-chō Oát-hiong-jîn hēng-hok ê sin kò-hiong.</p>	<p>Chung tay xây ngọn hải đăng, Rọi sáng đường cho những con tàu từ Đài Loan đến Việt Nam.</p> <p>Đôi ta nếu có tình yêu, Hãy để trái tim chung một nhịp, Nơi sông núi Nam Quốc, Hưởng thụ đời tự do, Dựng xây quê hương mới đầy hạnh phúc của người Việt Hương.</p>
---	--

Nguyễn Hải Đường (Ng, Hái-tông)



Si-jîn kòr-hiong tī Pêng-liók (Bình Lục) koãn Hô-lâm (Hà Nam) séng, chím-má tī Hô-lái seng-oàh kap siá-chok. I bat tam-jīm kun-koaⁿ, “Jîn-bîn pò” pian-chip-pō ê úi-oân, í-keng chhut-pán 10 pún chu-chheh (6 pún si-chip, 4 pún sán-bûn). I sī “Kun-tūi bûn-gē” chấp-chì si-koa pí-sài (2004) ê tit-chióng-chiá, Oát-lâm chok-ka hiáp-hōe ê hōe-oân. Kīn-kī ê chu-chheh: 2021 nî-té, chhut-pán “Tit chhiū íáⁿ chiàⁿ” (Cây thẳng bóng ngay) (Chin-lí Kok-ka chêng-tī chhut-pán-siā), siu-lók liáu 60 phiⁿ té-phêng, pau-koat chin chē chú-tê: chêng-tī, bûn-hòa kap bûn-gē, 2022 nî, chhut-pán “Chit ê sī-tāi ê lāng” (Người của một thời) (Bûn-hák chhut-pán-siā) ê kòr-sū-chip, í tong-sū-chiá ê sin-hūn su-siá, ũi Chiàn-āu bûn-hák kòng-hiàn chit ê khòaⁿ-hoat, chit ê siaⁿ-im.

-Chhòa Sī, Chheng-chúí hoan-ék

Goãn-bûn Siāu-kài

Nhà thơ quê Bình Lục, Hà Nam, hiện sống và viết tại Hà Nội. Ông từng là sĩ quan quân đội, rồi là Ủy viên Bộ Biên tập Báo Nhân Dân, đã xuất bản 10 tập sách (6 thơ, 4 văn xuôi); Giải thưởng cuộc thi thơ (2004) của Tạp chí Văn nghệ Quân đội; Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Những tập sách gần đây: Cuối năm 2021, tập “Cây thẳng bóng ngay” (NXB Chính trị quốc gia Sự thật), tập hợp 60 bài bình luận ngắn với nhiều đề tài chính trị, văn hóa-văn nghệ; năm 2022 xuất bản tập truyện “Người của một thời” (NXB Văn học), góp một cách nhìn, một tiếng nói vào dòng văn học thời hậu chiến, được viết từ người trong cuộc.

SO SÁNH (Pí-kàu)

Chhòa Sī, Chheng-chúí hoan-ék

Cao và thấp	Koãn kap kē
dài và ngắn	tng kap té
rộng và hẹp...	khoah kap eh...
Khổ đau và hạnh phúc	Thòng-khó kap hēng-hok

giàu sang và nghèo hèn kiêu hãnh và nhục nhã...	Hù-kùi kap sà-n-chiáh Kiau-ngō kap bú-jiók
Sắp ngửa so bì cái này cái kia chộp giật cân đo thêm bớt loạng quạng đường tắt đường vòng chỉ thấy được - thua , hơn-kém	Chià ⁿ -hoán kè-kàu chit ê hit ê chhiú ⁿ -kiap sng-lūn chē-chió táh-chhu kīn-lō oan-lō chí khòa ⁿ --tiòh tit-sit, su-iâ ⁿ
Hãy thử đặt cao với cao, dài với dài, rộng với rộng bổ sung cho nhau làm đầy cho nhau phép so sánh mới lại bắt đầu phép so sánh cao hơn điều ta thường nghĩ.	Khng koân kap koân, tng kap tng, khoa kap khoa chò-hóe chhi-khòa ⁿ -māi In ē pó-chhiong ē sio khan sêng Sin ê pí-kàu-hoat koh khai-sí Pí-kàu-hoat tiā ⁿ -tiā ⁿ pí lán su-khó koh khah koân

Ko, Goát-oân (Cao Nguyệt Viên)



Ko, Goát-oân (Cao Nguyệt Viên) sinh năm 1947 ở A Công Điểm (Cao Hùng), đã từng làm qua quản lý thư viện. Trong quá trình làm việc được tiếp xúc và thường thức cả biển sách trí tuệ quý giá cho đến khi về hưu. Bà là hội viên của Hội sách Nghiên Điền (Gián-tiên Book Will), Hội viên của Hội In ấn Hi Di (Hi-î Seal Community), Ủy viên nghệ thuật của Hiệp hội giao lưu văn hóa Quốc tế Thành phố Đà Nam (International Cultural Exchange Association), Chủ tịch của Hiệp hội Mỹ thuật Nam Dương Thành phố Đà Nam (Art Association) nhiệm kỳ 7 và 8. Hiện nay bà là ủy viên giám sát thường vụ của Hội văn học tiếng Đài, hội viên của Chiến tuyến Văn Đài, ủy viên thường trực Hiệp hội Mỹ thuật Nam Dương Thành phố Đà Nam, ủy viên thường trực Hiệp hội nghệ thuật đồ họa thư pháp Trung Hoa (China Graphic Arts Association of calligraphy), hội viên Hội sách Phong Lưu.

Từ năm 1998 đến năm 2016, đã tham gia 80 buổi triển lãm các tác phẩm nghệ thuật (bao gồm liên kết triển lãm, triển lãm cá nhân, khách mời triển lãm) và xuất bản 92 quyển sách báo. Năm 2011, 2012, 2013 đã được trao giải quyển sách hay nhất trong cuộc triển lãm thư pháp giao lưu văn hóa quốc tế do Viện nghệ thuật thư pháp Nhật Bản tổ chức. Từ năm 2011 đến năm 2015 tham gia hoạt động thúc đẩy giáo dục nghệ thuật, đưa nghệ thuật đến gần hơn với các gia đình và vùng nông thôn do Bộ văn hóa và Viện mỹ học và đời sống quốc gia tổ chức. Đồng thời năm 2010, 2011 tham gia vào hoạt động từ thiện cứu trợ thiên tai tại vùng Sendai Nhật Bản và cơn bão 88. Bà đã sáng tác những tác phẩm nghệ thuật của riêng mình như “Tập tranh Cao Nguyệt Viên – những suy nghĩ mới về nghệ thuật từ trái tim”, “Tập thơ tiếng Đài Bà Oa-la Cao Nguyệt Viên.”

-Phạm Ngọc Thúy Vi dịch

七字詩文 (Thơ bảy chữ)

Thái Thị Thanh Thủy dịch

1. 公園草埔輕鬆行 約定智識相交換 帆布舖地臺語影 詩文讀唱誠好聽	1. Bãi cỏ công viên bước thanh thản Hẹn nhau trao đổi nhiều kiến thức Vải bạt trải nền hình tiếng Đài Đọc văn ngâm thơ nghe rất hay
--	---

2.

母語牽線行相倚
鄉情義理欲延續
輪流唸詩閣唱歌
鬥陣傳承咱文化

3.

公園樹蔭母語聲
你講母語的生澁
伊說世事多因端
閱讀鄉土情滿滿

4.

啥人聲頭遐呢大
語言袂當演虛華
推廣操練你佻我
拒絕霸權來拖磨

2.

Tiếng mẹ đẻ se duyên cùng bước
Tình quê nghĩa nước phải dài lâu
Thay nhau ngâm thơ thay nhau hát
Lưu truyền văn hóa của chúng ta

3.

Cây công viên vang tiếng mẹ đẻ
Bạn kể tiếng mẹ đẻ sinh sôi
Tôi bàn việc đời nhiều cố sự
Mình nói tình quê hương bao la

4.

Giọng ai ngân nga mà vang thế
Ngôn ngữ không được diễn trò hề
Mình cùng luyện tập cùng quảng bá
Cự tuyệt bá quyền chống giày vò

Lê Thiếu Nhơn (Lê, Siàu-jîn)



Lê Siàu-jîn, 1978 nî tī Oát-lâm Hù-an (Phú Yên) séng chhut-sè, sin-bûn hák-sū hák-úi, teh tī Ô-Chì-bêng (Hồ Chí Minh) chhī seng-oáh kap siá-chok. Oát-lâm chok-ka hiáp-hōe ê hōe-oân, bók-chêng sī Ô-Chì-bêng chhī chok-ka hiáp-hōe chip-hêng úi-oân-hōe ê úi-oân, Oát-lâm chok-ka hiáp-hōe si-koa úi-oân-hōe ê úi-oân jīm-kî 2020-2025 nî. I í-keng chhut-pán 6 pún si-chip, 4 pún sán-bûn-chip, 4 pún phoe-phêng lí-lùn-chip. Tī 2007, 2010 kap 2016 nî, si-jîn saⁿ kái tit-tiòh Ô-Chì-bêng chhī chok-ka hiáp-hōe ê chióng-hāng.

-Chhòa Sī, Chheng-chúí hoan-ék

Goân-bûn Siàu-kài

Lê Thiếu Nhơn, sinh năm 1978 tại Phú Yên, cử nhân Báo chí, đang sống và viết tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam; Hiện là Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy viên Hội đồng Thơ Hội Nhà văn Việt Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025. Ông đã in 6 tập thơ, 4 tập văn xuôi, 4 tập lý luận phê bình. Nhà thơ đã 3 lần được Tặng thưởng của Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh vào các năm 2007, 2010 và 2016.

TĨNH LẶNG LÚC GIAO MÙA (CHEH-KÙI KAU-ŌAⁿ SÍ Ê TIÂM-CHĒNG)

Chhòa Sī, Chheng-chúí hoan-ék

Sự tử tế càng ngày càng bị đẩy vào tuyệt lộ	Siān-liông lú-lâi-lú hō sak hiông choát-lō
Tôi tập làm quen với màu cúc trái vụ, vì sợ mùa đi bỏ rơi mình	Góa liān-sip kap sió-goeh ê kiok-hoe pōa ⁿ -nóa in-úi kia ⁿ cheh-khùi lī-khui hòng-khì ka-kī
Em không giỏi chen lấn	Lí bô gâu sak-thui
Em không rành thủ đoạn	Lí ham-bān chhiú-tōa ⁿ
Những buổi chiều dang dở cả mưa giông	E-pơ ê sī-chūn liān Sai-pak-hō iā piàn-sêng gāi-giòh
Muốn tìm lại tiếng ca ai hát sau vành nón	
Chỉ thấy ngoại ô thăm thẳm thở dài	

<p>Đánh cược dòng sông miền man thơ đại</p> <p>Để ngõ về vớt vát chút heo may</p> <p>Làm sao trách trời xanh đã mây bay ngàn dặm</p> <p>Làm sao trách nụ hoa quên nở sớm mai buồn</p> <p>Tôi trách tôi chân chùn gối mỏi</p> <p>Buổi nhân tình khô héo mặt người đứng.</p>	<p>Siūⁿ-beh chhōe tng--lâi koe-léh-chîⁿ āu-bīn siáⁿ-lâng ê koa-siaⁿ</p> <p>Chí khòaⁿ-tiòh chhim-oán ê kau-khu thó-tōa-khùi</p> <p>Táⁿ-tó hô-liú liên-biân thian-chin</p> <p>Hō tng-khì ê lō-tô bán-hōe chit-kóa-á Sai-pak-hong</p> <p>Án-chóaⁿ koài thiⁿ-kong-peh í-keng hūn poe chhian-lí</p> <p>Án-chóaⁿ koài hoe-lúi bē-kì tī thiⁿ-kng sī khui-hoe</p> <p>Góa ka-kī koài ka-kī bē pūn hóe</p> <p>Jîn-chêng-sè-sū ta-sim seⁿ-hūn-lâng ê bīn-iông</p>
--	---

Lí, Siok-cheng (Lí Thục Trân)



Lí Thục Trân (Lí, Siok-cheng) sinh năm 1955 tại huyện Chương Hóa. Hiện nay, bà sống tại khu Thái Bình, Đài Trung. Bà làm nhiều công việc khác nhau như: kế toán, đại diện kinh doanh, chủ nhiệm trong trường mẫu giáo, tình nguyện viên đường dây nóng bảo toàn sự sống và phát thanh viên trên radio.

Công việc hiện tại: Quản lý khu vực cho một công ty bảo hiểm và là tình nguyện viên cho các chương trình phúc lợi cộng đồng.

Bà bắt đầu sáng tác văn học bằng tiếng mẹ đẻ tiếng Đài của mình từ năm 2004. Bà muốn gửi lời cảm ơn trân trọng đến bà Trương Thục Trân vì đã hướng dẫn và dìu dắt mình. Bà xem Đài Loan như là người mẹ dẫu yêu của mình và bà mong mỏi rằng tình yêu của mình dành cho mảnh đất cũng như con người nơi đây sẽ đi vào trái tim độc giả thông qua các tác phẩm văn học do bà sáng tác. Từ năm 1992, bà đã nhiều lần được trao giải thưởng trong cả lĩnh vực văn học và nhiếp ảnh.

-Phạm Hải Vân dịch

清明節 ê 心境 (Nỗi lòng tiết Thanh Minh)

Thái Thị Thanh Thủy dịch

數念園心內 寄予過往 ê 爸母 滾絞 ê 心無停 毋敢 koh 想起恁 ê 面容 勞苦一世人 Kám 是台灣人註定 ê 命底 1 年--ah Tī 清明節咱見面 順熟似 ê 路草 Sap-sap 雨一路相陪	Nhớ nhung giữ trong lòng Gửi mẹ cha đã quá cố Lòng quặn thắt không thôi Không dám nhớ tới mặt mày của họ Một đời gian khổ Phải chăng là số phận đã an bài của người Đài Loan 1 năm--rồi Chúng ta gặp nhau vào dịp tiết Thanh Minh Men theo con đường quen thuộc
--	--

罩霧 ê 天	Mưa lâm thâm làm bạn với tôi
恁 tī 佗位	Sương mù giăng đầy trời
水果 餅乾 虔誠合掌	Cha mẹ ở đâu
望土地公守護	Hoa quả bánh trái chấp tay lòng thành khẩn
地藏王菩薩引 chhōa	Cầu nguyện thổ thần phù hộ
無病 無煩惱	Địa Tạng Bồ Tát dẫn đường
Tòa 清淨 ê 所在	Không bệnh tật không lo buồn
互相祝福 ê 話	Sống nơi thanh tịnh
Lóng 有聽著	Cầu chúc nhau hạnh phúc
輕輕 á so	Lời này thấu nghe
燒 lō tī 心內	Nhẹ nhàng bên cha mẹ
阮 ê 傷心已經過	Ấm áp từ tâm can
Tńg 去 ê 方向	Nỗi đau buồn mình đã qua
Án-chóa ⁿ 看袂清	Nhưng đường quay về
	Sao lại nhìn không rõ

Âng Ek-sim (Hồng Ưc Tâm)



Tốt nghiệp Thạc sĩ khoa Văn học Đài Loan trường Đại Học Sư phạm Quốc gia Cao Hùng

Giáo viên giảng dạy tiếng Đài

Sáng tác bằng tiếng Đài

Cố vấn tiếng Đài và phiên dịch kịch bản tác phẩm “Đội cứu hộ ẩm thực hương vị Đài Loan”

Tổng thư ký nhiệm kỳ thứ 11 Hiệp hội chữ La-tinh Đài Loan

Tuy còn trẻ nhưng tôi chín chắn, lại thích ngẫm suy, tôi rất thích được nghe người lớn kể chuyện xưa, đàm đạo, từ đấy ghi chép, tích lũy vốn từ ngữ và kiến thức, trở thành kho báu cho cảm hứng sáng tác của mình.

-Thái Thị Thanh Thuỷ dịch

空喙 (Vết thương)

Thái Thị Thanh Thuỷ dịch

<p>70 gōa 冬 ê 空喙糊袂好 siuⁿ hàm lah 怪奇 逐冬時間 nā 到 tō giâ 起來疼 Haiⁿ haiⁿ-chhan tiuh-tiuh-tōaⁿ bē 安穩 m̄-káⁿ 接受診斷是無 無 身軀 ê 空喙 ná-ē 無過皮</p>	<p>Vết thương hơn bảy mươi năm bôi thuốc mãi vẫn không lành miệng thật khoa trương Kỳ lạ Hàng năm lại tái phát lại nổi lên đau Rên rì, nhức nhối hoài không dứt Phải chăng là không dám chữa trị Nếu không thì sao vết thương trên thân thể lại không lên da non</p>
<p>70 gōa 冬 ê 空喙糊袂好 siuⁿ hàm lah 讖古 無做聲甘願 kek-tiām-tiām 放 hō chiù-chhng 放 hō 爛 m̄-káⁿ 面對真相是無</p>	<p>Vết thương hơn bảy mươi năm bôi thuốc mãi vẫn không lành miệng thật khoa trương Hoang đường Không thốt ra lời mà chấp nhận chịu đựng Mặc nó bốc mùi mặc nó thối rữa</p>

<p>無 身軀 ê 空喙 soah 攏袂過皮</p> <p>70 gōa 冬 ê 空喙糊袂好 siuⁿ hàm lah 哀哉</p> <p>Hit-tin 賊 khah 惡人 ê 夭壽死因仔災</p> <p>放 hō chhng 根放 hō chhng 骨</p> <p>Leh 搬拍人 hoah 救人 ê 戲劇是無</p> <p>無 身軀 ê 空喙 thài bōai hō 過皮</p> <p>70 gōa 冬 ê 空喙糊袂好 siuⁿ hàm lah 難--lah</p> <p>Hō lín 著吊冤枉 ê nā 投胎</p> <p>一定知傷痕 kah 空喙</p> <p>是 lín 深門踏戶 目孔赤 見笑 tng siūⁿ-khì</p> <p>刁工 身軀 ê 空喙 m hō 過皮</p> <p>70 gōa 冬 ê 空喙糊袂好 siuⁿ hàm lah</p> <p>Hiau-hēng 喔</p> <p>Khah 著歹物仔 ê 土地</p> <p>需要斬草除根 斷絕 in ê 歹種</p> <p>咱 身軀 ê 空喙 beh 緊過皮</p> <p>70 gōa 冬 ê 空喙糊袂好 siuⁿ hàm lah 佳哉</p> <p>時間是醫治 ê 良藥</p> <p>造物者 ê 公義 天良猶 tī--leh</p> <p>咱 身軀 ê 空喙 beh 得著醫治</p>	<p>Phải chăng là không dám đối mặt với sự thật</p> <p>Nếu không thì sao vết thương trên thân thể lại không lành</p> <p>Vết thương hơn bảy mươi năm bôi thuốc mãi vẫn không lành miệng thật khoa trương</p> <p>Ôi trời</p> <p>Đám giặc kia độc ác còn hơn kẻ ác độc, cho chúng mày đoán mệnh hết đi</p> <p>Mặc nó lan rộng mặc nó ăn sâu vào xương</p> <p>Phải chăng là đang diễn vở vừa đánh trống vừa la làng</p> <p>Nếu không thì sao vết thương trên thân thể lại không lành</p> <p>Vết thương hơn bảy mươi năm bôi thuốc mãi vẫn không lành miệng thật khoa trương</p> <p>Khó khăn thay</p> <p>Bị bọn chúng hãm hại hàm oan nếu có đầu thai</p> <p>Nhất định phải biết vết thương cùng vết sẹo</p> <p>Là do bọn chúng xông bừa vào xâm phạm, ganh tị, thẹn quá hóa giận</p> <p>Chuyên làm khó, gây chuyện vết thương trên thân thể không lên được da non</p> <p>Vết thương hơn bảy mươi năm bôi thuốc mãi vẫn không lành miệng thật khoa trương</p> <p>Đáng thương thay</p> <p>Mảnh đất bị ác quỷ nhập vào</p> <p>Phải diệt cỏ tận gốc tiệt trừ giống ác tà</p> <p>Chúng ta vết thương trên thân thể phải nhanh chóng lên da</p>
---	--

<p>70 gōa 冬 ê 空喙糊袂好 siuⁿ hàm lah o-ló</p> <p>願 心內相信</p> <p>願 喙裡承認</p> <p>咱無見笑</p> <p>咱無 m-tiòh</p> <p>公義 ê 使者</p> <p>黎明前一定 ē 來</p> <p>到時咱身軀 ê 空喙</p> <p>自然過皮</p> <p>得著醫治 恢復到原初 ê 模樣</p>	<p>Vết thương hơn bảy mươi năm bôi thuốc mãi vẫn không lành miệng thật khoa trương</p> <p>May mà</p> <p>Thời gian là liều thuốc tốt nhất để chữa trị</p> <p>Chính nghĩa của tạo hóa lương tâm vẫn đang còn</p> <p>Chúng ta vết thương trên thân thể phải được chữa trị</p> <p>Vết thương hơn bảy mươi năm bôi thuốc mãi vẫn không lành miệng thật khoa trương</p> <p>Khen ngợi</p> <p>Nguyện lòng tin tưởng</p> <p>Nguyện miệng thừa nhận</p> <p>Chúng ta không mất mặt</p> <p>Chúng ta không làm sai</p> <p>Sứ giả của chính nghĩa</p> <p>Nhất định sẽ đến trước bình minh</p> <p>Lúc đấy vết thương trên thân thể của chúng ta tự lên da non</p> <p>được chữa trị trở lại về lành lặn ban đầu</p>
--	---

Tân Lī-bûn (Trần Lợi Văn)



Thời Đại học và Cao học đều học những khoa ngành có liên quan đến tiếng Đài, do một cơ duyên đặc biệt đã tìm lại được đầu lười của tiếng mẹ đẻ, đã hoài thai ý thức về tiếng mẹ đẻ. Là một nhà thơ bình thường, dùng tiếng mẹ đẻ thân thương của mình kể chuyện và viết về cuộc sống.

Giải bình chọn Sáng tác thơ mới tiếng Đài của Giải thưởng Văn học Đài Loan năm 2020 và năm 2021

-Thái Thị Thanh Thủy dịch

夢，停跋 (Mộng, dừng chân)

Thái Thị Thanh Thủy dịch

<p>E 開彼片輪迴 ê 門 sīⁿ O-bák-bák ê 車齒無暝無日 pháng-tng 業 lék ê 石磨仔親像無時停 ê han-tó-lù Pháng 出生生世世 ê 印記 一點一幕 lô tī 靈魂 ê kha-chiah Hoat 過 霧，衝破日鬚 靈魂 tī tng 點 ê 性命絞滾 pù-iⁿ 取背骨做根，浪蕩做翼 Thèng-hâu 久時 ê 連回奮力破繭</p>	<p>Mở cánh cửa luân hồi Bánh xe đen kịt ngày đêm quay không ngừng nghỉ Cối xay nghiệp chướng như tay lái không ngừng Lái một dấu ấn đời đời kiếp kiếp Từng hồi từng màn in dấu lên tấm lưng của linh hồn Vượt qua bình minh mờ ảo, xông về hướng mặt trời Nơi vết nám của cuộc đời linh hồn lăn chuyển nầy mằm Lấy ngỗ ngược làm gốc, chọn phóng đảng làm cánh Chuyện xấu mặt, việc ê chề đợi chờ lúc tận sức thoát ra khỏi kén</p>
---	---

Phiau-phiat 走搵五彩火號	Lãng tử đi tìm tín hiệu rực rỡ phóng túng ngang tàng
毋知死活 ê 單純是拆開人生地圖 ê 勇氣	Ngây thơ không biết sợ gì là dũng khí để vén màn kịch bản cuộc đời
An-tah 袂牢 ê 衝碰是起 chhó 激情 ê 醬料	Không tìm nổi bông bột phấn khích là nước chấm khởi đầu của nhiệt huyết
Kōa ⁿ 一罐虛花臭油點著花 hiat 青春熱 phút-phút ê 攔頭化做紅記記 ê 信心	Đem một can dầu hỏa của phù phiếm thấp sáng thanh xuân phong lưu quyến rũ Suy nghĩ hay niềm tin nóng bỏng trở thành lòng tự tin sắt son
起 pōng ê 青春 kah 一張僥倖 ê 八字	Từ lúc thanh xuân trời như đã thêm một tờ tử vi tội nghiệp
Khoa ⁿ -khoa ⁿ -á 褫開	Từ từ mở ra
歹命，利劍劍坦橫 tī 頂面 chhìn 笑	Số khổ, sắc lẹm nằm ngang trên giấy, cười chế nhạo
若拆若白 ê 咒懺爆出野 chhiah 劍光	Lời nguyền rửa lộ rõ ánh kiếm tàn bạo và độc ác
Liô 出一滴一滴心頭血	Như xé ra cắt thành từng mảnh tim nhỏ máu
走 chhoah ê 運命 ná 過期 ê 令符	Cuộc đời gập ghềnh bất hạnh như lá bùa quá hạn
Noâ-cháh 袂牢咒語發酵	Ngăn không nổi lời nguyền rửa lên men
年月 ê 酷刑暝日 ê 損蕩，長短跋走 sio 逐	Cực hình năm tháng chà đạp triền miên, kim đồng hồ đuổi nhau từng giây phút
Bē-kham-tit 破格洗盪	Không chịu nổi số khổ đem đến những điều buồn
人生	Đòi người
有倔強過後 kian-phí ê khang-chhùi	Đằng sau kiên cường có vết thương liền sẹo
Mā 有苦毒家已悲哀 ê 牽亡曲	Cũng có tự mình dạo khúc nhạc đưa đám bi thương
Chia 規路 chhì-giâ-giâ ê 現實 khiú-khiú-lák-lák	Cả đời đối mặt với thực tế hung tàn như gai nhọn chích đâm giằng xé
無臭無 siâu ki ⁿ 出纏纏 bát-bát ê 離經	Mẹ kiếp dệt nên một nhập nhằng chẳng chịt hoang

<p>磨 kah 碎糊糊 ê 命，針針 chhiah tī 走精 ê 面</p> <p>塞倒街 ê 怨感，仁仁仁罩二蕊目矚</p> <p>Kā 看破 ê 向望大力 sak 落暗 sàm 海 流</p> <p>無通拋碇 ê 絕望 tī 滄桑 ê 海愈 hùn 愈大</p> <p>Hō 怨感咬死 ê 命 tò 出母願 ê 血跡</p> <p>Liōng-siōng ê pōaⁿ-nóa 無彩工 ê 交 陪，到 chia 就好</p>	<p>đường</p> <p>Xay nát số phần, mọi việc như vết xăm trên mặt mày biến dạng</p> <p>Oán hận đếm không xiết, gương mắt nhìn rõ ràng</p> <p>Đem thất vọng ra sức đẩy vào dòng hải lưu âm ỉ</p> <p>Nơi biển lớn tuyệt vọng không neo dừng xoáy càng lúc càng to</p> <p>Một đời bị oán hờn cắn chặt ngấm đều những giọt máu bất bình</p> <p>Bầu bạn vô ích quen biết cũng thừa số phận đến đây là kết thúc</p>
---	--

Cuộc thảm sát 228

Trang sử đen tối và đau thương nhất của Đài Loan

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản là bên thua trận, nên phải đầu hàng và chịu giải giáp vũ khí ở nhiều thuộc địa, trong đó có Đài Loan. Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch bổ nhiệm tướng Trần Nghi làm Toàn quyền Đài Loan. Chỉ trong hai năm nắm quyền, Toàn quyền Trần Nghi đã đẩy Đài Loan rơi vào khủng hoảng, lạm phát tăng cao, tham nhũng, hối lộ lộng hành khắp nơi. Người dân Đài Loan nhìn chung lâm vào cảnh thiếu thốn về vật chất và bị sự đối xử bất bình đẳng gây tâm lý oán hận trên khắp đất nước.



Trong bối cảnh như vậy, trưa ngày 27/2/1947, khi đi tuần tra tại khu chợ ở trung tâm thành phố Đài Bắc, một nhân viên cảnh sát định thu giữ túi xách đựng thuốc lá nghi là hàng lậu của một người dân, sau khi xảy ra tranh cãi, nhân viên cảnh sát đã rút súng bắn chết người này và bỏ chạy về đồn. Người dân chứng kiến vụ việc cảm thấy vô cùng bất bình và giận dữ, đã cùng nhau vây

chặt đồn cảnh sát và yêu cầu giao nộp viên cảnh sát giết người để họ xét xử. Chỉ huy đồn cảnh sát không những không đáp ứng yêu cầu này, còn ra lệnh nổ súng vào đám đông biểu tình để giải tán, khiến lòng căm phẫn của dân chúng dâng cao. Từ đó làn sóng biểu tình bùng phát và lan nhanh vào ngày 28/2/1947 (con số 228 được lấy từ ngày và tháng xảy ra sự kiện). Toàn quyền Trần Nghi ra lệnh cho quân đội và cảnh sát bắn thẳng vào đám đông để trấn áp bạo loạn làm hàng chục người chết và bị thương. Sự việc này càng khiến cho làn sóng giận dữ tăng cao rồi lan nhanh khắp đảo Đài Loan. Toàn quyền Trần Nghi buộc phải rời Đài Loan về đất liền và đại diện đám đông đã nắm quyền. Một chính quyền mới với thành phần là trí thức, sinh viên, chủ nhà máy, công nhân gồm 32 người được thành lập để tạm điều hành đảo Đài Loan và lập tức đưa ra yêu cầu cải cách bộ máy chính quyền và ổn định kinh tế Đài Loan cho Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch đã thẳng thừng từ chối các yêu sách của chính quyền mới ở Đài Loan và cho tập trung quân đội, tiếp tục cừ Trần Nghi

chỉ huy tái chiếm Đài Loan vào ngày 8/3/1947. Do yếu thế, lực lượng nổi dậy bị trấn áp khắp nơi. Binh lính Quốc dân đảng lạm dụng lệnh bắn bỏ bất cứ ai chống lại đã tha hồ cướp bóc, hãm hiếp, sát hại thường dân vô tội. Tạp chí Time của Mỹ số ra ngày 7/4/1947 cho rằng đã có từ 2.000 đến 4.000 người dân Đài Loan bị binh lính Quốc dân đảng giết hại chỉ trong hơn 20 ngày (từ ngày 8 đến 31/3/1947). Sau khi hoàn thành việc tái chiếm Đài Loan, Toàn quyền Trần Nghi tiến hành một chiến dịch thanh trừng đẫm máu với việc bắt giữ, tra tấn và thủ tiêu bất cứ ai tham gia hoặc nghi ngờ tham gia biểu tình hay có hành động chống lại Quốc dân đảng. Các trường học có sinh viên, học sinh tham gia biểu tình đều bị đóng cửa vô thời hạn. Sinh viên, học sinh tham gia biểu tình đều bị bắt giữ, tra tấn, xử tù và thủ tiêu. Doanh nhân, công nhân tham gia biểu tình cũng chịu chung số phận. Tài sản của họ đều bị tịch thu, cha mẹ, con cái đều bị quản thúc vô thời hạn. Nhiều trí thức, người tài người giỏi trong các lĩnh vực đều bị quân đội Quốc dân đảng bắt bớ, bỏ tù, tra tấn và thủ tiêu oan uổng để diệt trừ hậu họa. Vào tháng 1 năm 2000, một ủy ban điều tra về “Sự kiện 228” do chính quyền Đài Loan thành lập đã kết luận, có đến 10.000 người bị thảm sát chỉ trong vòng từ 28/2/1947 đến 31/3/1947. Tuy nhiên, trong một báo cáo độc lập có tên gọi “Những điều chưa hề biết về Sự kiện 228”, con số nạn nhân thực tế bị thảm sát trong “Sự kiện 228” phải lên đến 30.000 người.

Trong suốt một thời gian dài sau khi xảy ra “Sự kiện 228”, chính quyền Quốc dân đảng ở Đài Loan nghiêm cấm việc bàn thảo hay công khai việc lật lại hồ sơ “Sự kiện 228”. Đài Loan trải qua gần 50 năm thời kỳ khủng bố trắng, cả một thế hệ trẻ ở Đài Loan không hề hay biết đến việc thế hệ cha, ông của họ bị thảm sát vào năm 1947. Mãi đến đầu năm 1992, khi phong trào dân chủ lan rộng khắp Đài Loan, gia đình những nạn nhân của cuộc thảm sát này mới tập hợp lại trong một phong trào có tên gọi Công lý và Hòa bình và đưa ra yêu cầu phải truy cứu trách nhiệm và làm sáng tỏ cuộc thảm sát này, và khi tổng thống Lý Đăng Huy lên nắm quyền vào năm 1995, thì “Sự kiện 228” mới được từng bước được bàn luận và dần được đưa ra ánh sáng. Nhưng, trên thực tế, vẫn còn rất nhiều tài liệu bị xếp loại tuyệt mật và chưa được phép công bố. Chính quyền Đài Loan quyết định lấy ngày 28 tháng 2 hàng năm làm ngày toàn quốc tưởng nhớ những nạn nhân của “Sự kiện 228”.

Thang Đức Chương

Người hùng của nhân dân Đài Nam



Thang Đức Chương (tên chữ Nhật 坂井 徳章 Sakai Tokushō, tên chữ Hán 湯德章, 6/1/1907 - 13/3/1947) sinh ra ở Đài Nam, Đài Loan, cha người Nhật Bản và mẹ người Đài Loan. Thang Đức Chương là một vận động viên Judo ngũ đẳng và từng là cảnh sát và luật sư. Sinh thời, Thang Đức Chương tích cực tham gia các hoạt động thúc đẩy bảo vệ quyền tự do dân sự, với tư cách là một “luật sư nhân quyền”, ông ủng hộ công bằng xã hội, thúc đẩy các tư tưởng dân chủ, hoạt động cải cách xã hội, giành được sự yêu mến của nhiều người. Khi có vụ việc liên quan đến đối xử bất bình đẳng giữa người Nhật và người Đài Loan, ông cũng luôn đứng về phía người Đài Loan. Ông từng được bầu làm ứng cử viên thị trưởng Đài Nam vào ngày 9 tháng 3 năm 1947. Khi sự kiện 228 xảy ra, ông giữ chức đội trưởng đội an ninh và nắm giữ nhiều danh sách quan trọng, trong đó có danh sách học sinh, sinh viên có liên quan đến các cuộc biểu tình trong chuỗi sự kiện này. Ông đã bị Quân đội Tưởng Giới Thạch bắt, tra tấn, xử bắn và phơi xác 3 ngày ở Vườn hoa Dân sinh (Công viên Tưởng niệm Thang Đức Chương ngày nay) vì đã tiêu hủy một số danh sách quan trọng nêu trên để bảo vệ học sinh, sinh viên. Năm 2014, Chính quyền thành phố Đài Nam đã quyết định lấy ngày 13 tháng 3, ngày mất của ông làm “Ngày tưởng niệm công lý và lòng dũng cảm của thành phố Đài Nam”.

Vương Dục Đức

Người khai sáng cho phong trào Đài Loan độc lập



Vương Dục Đức (tên chữ Hán 王育德, tiếng Đài Loan: Ông Iòk-tek, 30/1/1924 - 9/9/1985), nhà văn và nhà ngôn ngữ học người Đài Loan, nhận bằng Tiến sĩ Văn học tại Đại học Tokyo. Giảng viên, Trợ lý Giáo sư và Giáo sư tại Đại học Meiji. Giảng viên tại Đại học Saitama và Đại học Tokyo Metropolitan. Khi sự kiện 228 xảy ra, anh trai ông là Vương Dục Lâm (王育霖), lúc đó là công tố viên, bị bắt và thủ tiêu. Ông đã phải tạm trốn sang Hồng Kông, sau đó qua Nhật sống lưu vong. Ông là một trong những nhà lãnh đạo quan trọng của phong trào độc lập

Đài Loan thời hậu chiến, đồng thời là người sáng lập “Hội Thanh niên Đài Loan” tại Nhật Bản, một tổ chức có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và bồi dưỡng tầng lớp trí thức Đài Loan yêu nước sinh sống tại Nhật, và tạp chí “Thanh niên Đài Loan”. Mặc dù ông không có tham vọng chính trị, nhưng vì vô cùng bất mãn trước sự đàn áp về chính trị, kinh tế và văn hóa của chế độ Quốc Dân Đảng, nên ông đã tham gia phong trào Đài Loan độc lập. Ông mong muốn thông qua con đường học thuật và giáo dục để truyền tải thông điệp Đài Loan độc lập tới mọi người. Ông là thế hệ đầu tiên của những người thời hậu chiến nổi lên để đưa cuộc thảm sát 228 ra ánh sáng. Ông cũng là một nhân vật tiêu biểu trong số các nhà hoạt động xã hội đòi quyền độc lập cho đất nước Đài Loan ở hải ngoại. Sau nhiều năm nghiên cứu và giảng dạy tiếng Đài tại Nhật Bản, ông mất vì bệnh tim và chưa có cơ hội quay lại quê hương Đài Loan.

台灣-越南文學國際交流工作坊

【Kang-chok cho-chit 工作組織表 Organizing staff】

計畫主持人 Coordinator	蔣為文
秘書組 Sectaries	呂越雄、潘秀蓮
會議手冊 Proceedings	鄭智程、陳理揚、蔡氏清水
會場口譯 Interpreters on site	呂越雄、蔡氏清水、阮氏青河
議程組 Agenda	鄭智程、阮清香、林玟錚、潘豔香、裴氏玉英
司儀 MC	羅惠宜、蔡氏清水
文宣組 Art designs	阮意雯、鄭智程
食宿組 Accommodations	林玟錚、楊雅婷
參觀招待組 City tour	呂越雄、蔡氏清水、陳德民、潘豔香、阮慶黎、裴氏玉英、陳國忠
報到組 Registration and receptions	陳理揚、林美雪、越南學生
財務組 Treasures	潘秀蓮、林玟錚
庶務組 General affairs	鄭智程、簡維佑、安布漢、蘇安婕
攝影組 Photographers	阮意雯、鄭彥凱、越南學生

2024 台灣-越南文學國際交流工作坊 籌備處

<https://cvs.twl.ncku.edu.tw>

70101 台南市東區大學路 1 號

國立成功大學越南研究中心

TEL : 06-2757575#52627

FAX : 06-2755190

E-mail: cvsncku@gmail.com

Tē-tô 會場地圖 Bàn đồ

Map

